Bài 8. CÁI TÔI–THẾ GIỚI ĐỘC ĐÁO

(THƠ)

(Số tiết: 10 tiết)

TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN + ĐỌC VĂN BẢN NGUYỆT CẦM

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Đặc điểm thơ

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Nhận biết và phân tích được vai trò một số yếu tố tượng trưng trong thơ trữ tình.
- Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học

3. Phẩm chất:

- Có ý thức tự học, trau dồi năng lực thẩm mĩ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SGK, SBT
- PHT
- Tranh ảnh
- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ *+ Kể tên một số tác phẩm thơ đã học* *+ Ấn tượng của anh chị, khi được học tác phẩm thơ* *+ Đố…* - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - HS quan sát, lắng nghe - GV quan sát **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** - Gv tổ chức hoạt động - Hs trả lời câu hỏi **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài	- Thơ: Trao duyên, Đoàn thuyền đánh cá, Thu điếu, Tràng Giang, ... - Cấu tứ, biện pháp tu từ, tình cảm cảm xúc… - Điều làm nên sức hấp dẫn của tác phẩm thơ là hình ảnh, yếu tố thơ, hình thức và cấu tứ, biện pháp tu từ…

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Khám phá Tri thức ngữ văn

a. Mục tiêu:

- Nhận biết phân tích được: Ngôn từ, cấu tứ, hình thức, đặc điểm trong thơ.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Hướng dẫn Hs tìm hiểu **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - Gv chuyển giao nhiệm vụ *+ GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ*	**I. Khám phá Tri thức ngữ văn** *** Tượng trưng**

văn trong SGK. GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: - HS tiếp nhận nhiệm vụ **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - Hs làm việc cá nhân, tham gia trò chơi - GV quan sát **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** - HS trình bày sản phẩm - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức	- Là loại hình ảnh mang tính trực quan, sinh động nhưng hàm nghĩa biểu đạt tư tưởng, quan niệm, khái niệm trìu tượng. *** Yếu tố tượng trưng trong thơ trữ tình** - Là những chi tiết, hình ảnh cụ thể, gợi cảm, gợi lên những ý niệm trừu tượng và giàu tính triết lý, đánh thức suy ngẫm của người đọc về bản chất sâu xa của con người và thế giới. *** Hình thức và cấu tứ trong thơ trữ tình.** - Là tổng hòa của thể thơ, câu thơ, lời thơ, giọng điệu, nhịp, vần, hình ảnh, - Cấu tứ là cách triển khai mạch cảm xúc và tổ chức hình tượng. *** Biện pháp tu từ lặp cấu trúc.** - Là biện pháp tổ chức những vế câu hoặc những câu có cùng một kết cấu ngữ pháp, nhằm nhấn mạnh ý tưởng và tạo sự nhịp nhàng, cân đối cho văn bản.

Hoạt động 2: Đọc văn bản và tìm hiểu chung

a. Mục tiêu:

- Biết cách đọc văn thơ, tìm hiểu chung tác giả, tác phẩm

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV: Hướng dẫn học sinh đọc trang 62,63 **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV chuyển giao nhiệm vụ	**II. Đọc và tìm hiểu chung** **1. Đọc văn bản** - HS đọc **2. Tìm hiểu chung**

+ Hướng dẫn cách đọc văn bản *+ Tìm hiểu về tác giả: Cho học sinh xem video về Xuân Diệu* *https://www.youtube.com/watch?v=ZCKNXqIONkI* - HS tóm tắt nét chính về tác giả Xuân Diệu **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. - GV quan sát, gợi mở **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** - HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm - GV quan sát, hỗ trợ **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	**a. Tác giả:** Xuân Diệu (1916-1985) Quê: Hà Tĩnh Thơ XD góp phần đẩy mạnh quá trình HĐH văn học VN thế kỉ XX **b. Tác phẩm:** - Thể loại: Thơ - Phương thức biểu đạt: trữ tình

Hoạt động 3: Suy ngẫm và phản hồi

a. Mục tiêu:

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của thơ như tượng trưng ...
- Nhận biết và phân tích được các chi tiết tiêu biểu, nêu được ý nghĩa trong cách dùng từ
- Trân trọng tác phẩm.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM

NV1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chuyển giao nhiệm vụ

+ Hướng dẫn chú ý các hộp chỉ dẫn

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

- GV phát PHT , Hs thảo luận nhóm đôi

Giọt	Rơi
=> "Mỗi giọt tàn rơi": Gợi tả ấm …	

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- GV quan sát, gợi mở

- HS thảo luận

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV gọi các nhóm báo cáo sản phẩm

- HS cử đại diện báo cáo, HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

III. Suy ngẫm và phản hồi (Trả lời câu hỏi hộp chỉ dẫn)

***1. Hình ảnh "mỗi giọt rơi tàn"**

Giọt: giọt đàn nếu như "giọt" là đơn vị của chất lỏng thì "giọt rơi tàn như lệ ngân" lại là giọt ánh sáng, giọt âm thanh.	"Rơi": tiếng vang thấy được cả ánh sáng "tàn", đem so sánh với "lệ" là giọt chất lỏng tạo cho "giọt" có cấu trúc muôn hình thể: âm thanh biến thành ánh sáng, ý thơ lung linh, chính tâm hồn tinh tế của thi nhân đã "kết" tiếng đàn kia từ âm, sắc thành giọt lỏng.
Âm thanh tích tụ mối sầu ở cảnh, ở tình kết thành giọt rơi giữa đêm vắng, giọt âm thanh cứ chơi vơi giữa lòng vũ trụ, giữa lòng thi sĩ. Dư âm của nó cứ lay động nhẹ trái tim nhà thơ, cứ đọng dần, đọng dần cho đầy tâm hồn cô vắng.	

NV2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu câu hỏi 2

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chuyển giao nhiệm vụ:

***2. Hình dung âm thanh "Long lanh tiếng sỏi"**

Câu thơ đảo từ "long lanh" lên đầu cho ta thấy ánh sáng phát ra từ tiếng đàn, đọng vào sỏi đá. Cái cảm giác xù xì, trầm đục ấy lẽ ra phải được cảm nhận

<table>
<tr>
<td>Hình dung âm thanh “long lanh tiếng sỏi” như thế nào?
- HS tiếp nhận nhiệm vụ
Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ
- GV quan sát, gợi mở
- HS thảo luận
Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận
- GV gọi các nhóm báo cáo sản phẩm
- HS cử đại diện báo cáo, HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ
- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức</td>
<td>bằng thị giác nay “vang vọng” thì đã chuyển sang thính giác. Tiếng đàn đẹp và hay nay lại là tiếng vang của những mối hận trong lòng, những mối hận đã lên tiếng. Thi nhân đã thu lòng mình vào khí thu lạnh lẽo, ánh trăng tỏ ngời và nỗi niềm uất hận từ tiếng đàn, những nỗi niềm ấy còn tồn tại trong cả sỏi đá.</td>
</tr>
<tr>
<td>NV3: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu câu 3
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
- GV chuyển giao nhiệm vụ: Gv phát PHT số 3
<table><tr><th>“Biển”</th><th>“Chiếc đảo”</th></tr><tr><td colspan="2">=></td></tr></table>
- HS tiếp nhận nhiệm vụ
Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</td>
<td>*3. Hình ảnh "biển" và "chiếc đảo" có mối quan hệ :
"Biển": Không gian bao quanh, tiếng đàn hoá thành đại dương chứa âm thanh, mỗi giọt âm thanh vừa là trăng, là bạc, là pha lê, là một bể sầu vô định, mênh mông, choáng ngợp mà trên đó có một linh hồn - chiếc đảo đang bơ vơ.
“Chiếc đảo...": là nỗi lòng tự bạch của thi sĩ nói riêng và một tầng lớp lúc bấy giờ.
=> Cả hai hình ảnh đều gợi không gian mênh mông, rộng lớn, chứa đựng nỗi sầu vô định của thi sĩ, gợi lên cảnh tượng con người thật bé nhỏ, khó xác định, cứ bị ngợp dần.</td>
</tr>
</table>

- GV quan sát, gợi mở - HS thảo luận **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** - GV gọi các nhóm báo cáo sản phẩm - HS cử đại diện báo cáo, HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	
Sau khi đọc: **NV4: Hướng dẫn học sinh trả lời các câu hỏi sau khi đọc.** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV chuyển giao nhiệm vụ - HS tiếp nhận nhiệm vụ **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - GV quan sát, gợi mở - HS đọc thảo luận **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** - GV gọi các nhóm báo cáo sản phẩm	**Câu 1: Hình ảnh trăng nhập vào dây đàn ở khổ thơ đầu tiên của bài "Nguyệt cầm"** có sự độc đáo trong cách tạo hình ảnh rất tinh tế và sáng tạo. Ở một số tác phẩm nghệ thuật khác, hình ảnh trăng và đàn cũng được sử dụng nhiều nhưng thường được đặt ở vị trí riêng biệt, không kết hợp với nhau như trong bài thơ này. **VD:** - **Trong nghệ thuật hội hoạ**, hình ảnh trăng và đàn thường được vẽ thành hai chủ thể khác nhau trong cùng một bức tranh. **- Trong âm nhạc**, trăng và đàn thường được dùng như các hình ảnh biểu tượng cho những cảm xúc

<table>
<tr>
<td>- HS cử đại diện báo cáo, HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ
- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức</td>
<td>sâu sắc, nhưng cũng không được kết hợp với nhau như hình ảnh trong bài thơ "Nguyệt cầm".

Câu 2:
<table>
<tr><th>Khổ thơ</th><th>Ánh sáng (trăng) [1]</th><th>Âm thanh (đàn-âm nhạc) [2]</th><th>Hình ảnh thể hiện sự tương giao của các giác quan [3]</th></tr>
<tr><td>1</td><td>trăng nhập vào dây cung nguyệt lạnh

trăng thương, trăng nhớ</td><td>đàn buồn, đàn lặng, đàn chậm</td><td>... giọt rơi tàn như lệ ngân</td></tr>
<tr><td>2</td><td></td><td></td><td>.. bóng sáng bỗng rung mình</td></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td>Long lanh tiếng sỏi...</td></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td>... ánh nhạc biển pha lê...</td></tr>
</table>
Ý nghĩa của bài thơ:</td>
</tr>
</table>

	- "Nguyệt" có nghĩa là trăng, "Cầm" có nghĩa là cây đàn, vì vậy Nguyệt cầm có nghĩa là cây đàn nguyệt. - Nguyệt và cầm: Hai yếu tố tương đồng ngữ nghĩa, trùng phùng hình ảnh, tuy hai mà có thể trở thành một, hoặc biến hoá đến vô cùng: Trăng là nguyệt, là đàn (đàn hình tròn như trăng),
NV5: Hướng dẫn học sinh trả lời câu 3 **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV chuyển giao nhiệm vụ - HS tiếp nhận nhiệm vụ **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - GV quan sát, gợi mở - HS đọc thảo luận **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** - GV gọi các nhóm báo cáo sản phẩm - HS cử đại diện báo cáo, HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	**Câu 3: Các cảm giác "lạnh" (khổ 1), "rung mình" (khổ 2), "ghê như nước" (khổ 3), "rợn" (khổ 4),... là cảm giác của ai và toát ra từ đâu?** - Là cảm giác của nhân vật trữ tình, được toát lên từ một hồn thơ dạt dào cảm xúc tươi mới, sự hối hả, vội vàng đầy đắm say với tình yêu, với cảnh sắc, vẻ đẹp của "thời tươi" thì trong bài thơ này tuy vẫn dạt dào cảm xúc, song lại mang âm vị trầm buồn, chất chứa những nỗi suy tư, những bí mật không thể dãi bày, không thể tâm sự.
NV6: Hướng dẫn học sinh trả lời câu 4 **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV chuyển giao nhiệm vụ	**Câu 4: Chủ thể trữ tình trong bài thơ đã thể hiện cảm xúc gì khi lắng nghe tiếng đàn? Các chi tiết nào trong bài thơ cho thấy điều đó?**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - GV quan sát, gợi mở - HS đọc thảo luận **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** - GV gọi các nhóm báo cáo sản phẩm - HS cử đại diện báo cáo, HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	- Chủ thể trữ tình trong bài thơ đã thể hiện trầm buồn, chất chứa những nỗi suy tư, những bí mật không thể dãi bày, không thể tâm sự. - Trong không gian tuyệt sắc của không gian đêm trăng đó, vang vọng đâu đó tiếng đàn đầy u uẩn, bởi nó lạnh như nước, làm tái tê cõi lòng người nghe **"Đàn ghê như nước, lạnh, trời ơi..",** câu thơ gợi cho người đọc liên tưởng cho người đọc liên tưởng đến một thứ âm thanh réo rắt, lạnh lẽo, khắc khoải đến tận tâm can. Và sở dĩ tiếng nhạc bi thương, réo rắt như thế là bởi chính chủ thể của tiếng đàn ấy đang đeo mối sầu không có người dãi tỏ "Trăng nhớ Tầm Dương, nhạc nhớ người".
NV7: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu câu 5 **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV chuyển giao nhiệm vụ - HS tiếp nhận nhiệm vụ **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - GV quan sát, gợi mở - HS thảo luận **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** - GV gọi các nhóm báo cáo sản phẩm - HS cử đại diện báo cáo, HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện	**Câu 5: Xác định ý nghĩa tượng trưng của hình ảnh người phụ nữ ở khổ thơ thứ hai, bến Tầm Dương ở khổ thơ thứ ba và sao Khuê ở khổ thơ cuối. Chỉ ra mối liên hệ giữa những hình ảnh này, từ đó xác định cấu tứ của bài thơ**. - Biểu tượng cho nỗi nhớ về một tình yêu xa xôi đã qua. Người phụ nữ là hình ảnh của người phụ nữ yêu và hy vọng chờ đợi, trong khi bến tầm dương là nơi nối vòng tay của người yêu xa xôi và trông chờ vào một ngày hẹn hò. - Sao Khuê ở khổ thơ cuối là hình ảnh của người phụ nữ đã đi vào quên lãng và trở thành một vì sao trên bầu trời. Sự so sánh này nhằm bày tỏ sự tiếc nuối về một tình yêu đã qua. - Bài thơ được xây dựng dựa trên cấu trúc 4 khổ, mỗi khổ có 7 chữ, tạo nên một sự cân đối và hài hòa trong từng câu thơ.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức **NV8: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu câu 5** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV chuyển giao nhiệm vụ - HS tiếp nhận nhiệm vụ **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - GV quan sát, gợi mở - HS thảo luận **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** - GV gọi các nhóm báo cáo sản phẩm - HS cử đại diện báo cáo, HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	**Câu 6: Xác định cách ngắt nhịp và phối hợp thanh điệu trong bài thơ. Cách ngắt nhịp và phối hợp thanh điệu đó đã tạo nên nhạc điệu như thế nào cho bài thơ và giúp bạn hình dung như thế nào về tiếng đàn nguyệt trong đêm lạnh?** - Cách ngắt nhịp 2/2/3 vừa tạo nên nhạc tính nhuần nhị cho câu thơ vừa gợi lên một bức tranh đã có hình lại có thanh. Nếu ngôn ngữ là sợi dây đàn thì nhạc tính và âm điệu là những cung bậc thanh âm ngân lên từ sợi dây đàn ấy. Bằng khả năng sử dụng ngôn ngữ điêu luyện, Xuân Diệu tạo ra âm điệu cũng chính là tạo nên nhạc tính trong thơ. Từ đó dẫn dụ người đọc đi vào thế giới lung linh màu nhiệm của Nguyệt Cầm. - Việc sử dụng những từ láy và lặp lại chúng "long lanh", "lung linh"… là một trong những biện pháp tạo nhịp điệu trong thơ. Nhịp điệu có vai trò quan trọng trong việc tạo nhạc tính trong thơ, đồng thời thể hiện một cách tinh tế những trạng thái cảm xúc của nhà thơ.

Hoạt động 4: Tổng kết

a. Mục tiêu: Khái quát lại bài học

b. Nội dung: Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Gv tổ chức trò chơi *"Vòng quay văn học"* để hướng dẫn học sinh củng cố kiến thức đã học

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS, thái độ khi tham gia trò chơi

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

(Có thể giao về nhà)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn

c. Sản phẩm học tập: đoạn văn của HS

Ngày soạn:

BÀI 8. CÁI TÔI - THẾ GIỚI ĐỘC ĐÁO
(THƠ)
Tiết …. - VĂN BẢN 2: THỜI GIAN (Văn Cao)
(1,5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

-Nhận biết và phân tích được vai trò của yếu tố tượng trưng trong trong thơ. Đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ như ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ thể hiện trong văn bản.

-Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản: phát hiện được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh từ văn bản.

-Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học. Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học

-So sánh được hai văn bản văn học viết cùng đề tài ở hai giai đoạn khác nhau: liên tưởng mở rộng vấn đề để hiểu sâu hơn văn bản được học

2. Về năng lực

a. Năng lực chung: Phát triển năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua hoạt động đọc

b. Năng lực đặc thù:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản Thời gian
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản Thời gian
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản.
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản khác có cùng chủ đề.

3. Về phẩm chất: Trách nhiệm, có ý thức tự học, trau dồi năng lực thẩm mĩ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy tính, ti vi, bảng đen, phấn, bảng phụ, bút lông, …

2. Học liệu: Kế hoạch bài dạy, SGK, SBT, phiếu học tập, bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS làm việc ở trên lớp và ở nhà.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kích hoạt những vấn đề liên quan đến tác giả và tác phẩm, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng HS thực hiện nhiệm vụ học tập học tập

b. Nội dung: Gv cho học sinh xem video bài hát "Mùa xuân đầu tiên" của Văn Cao do ca sĩ Thanh Thúy thể hiện và nêu cảm nhận về bài hát và hình ảnh nhạc sĩ Văn Cao trong video.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS xem 1 đoạn video bài hát Mùa xuân đầu tiên của nhạc sĩ Văn Cao do ca sĩ Thanh Thúy thể hiện và yêu cầu HS nêu cảm nhận về bài hát và về hình ảnh nhạc sĩ Văn Cao được thấy trong Video. ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ*** HS xem video và phát biểu cảm nhận ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận*** Ít nhất 2 Hs trả lời cá nhân. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. ***Bước 4: Kết luận, nhận định*** Gv nhận xét, kết luận. Dẫn dắt vào bài học: *Văn Cao không chỉ là một nhạc sĩ nổi tiếng với những ca khúc đi cùng năm tháng, ông còn là một nhà thơ để lại cho đời nhiều vần thơ hàm súc mang những trải nghiệm cuộc sống thâm sâu. Một trong số đó là bài thơ*	

"Thời gian" mà chúng ta sẽ tìm hiểu ngay sau đây.	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu: Nắm được những thông tin cơ bản về tác giả văn Cao và bài thơ "Thời gian"

b. Nội dung: HS sử dụng SGK và hiểu biết của bản thân, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi tìm thông tin cơ bản về tác giả và tác phẩm

c. Sản phẩm: Thông tin cơ bản về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm, thể loại, bố cục tác phẩm

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ **1.** Trước khi đọc: GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Khi hình dung về thời gian, người ta thường nghĩ đến những từ ngữ nào?* 2. Đọc diễn cảm văn bản 3. Dựa vào SGK tìm thông tin về tác giả và tác phẩm **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** 1. Trả lời cá nhân (khoảng 3,4 Hs) câu hỏi trước khi đọc. 2. Hs đọc to diễn cảm VB trước lớp. 3. Dựa trên sản phẩm đã chuẩn bị sẵn ở nhà (bảng phụ, word, trình chiếu,…) **B3. Báo cáo thảo luận** 1. Khoảng 3,4 HS trả lời câu hỏi Trước khi đọc, các Hs khác lắng nghe 2. Khoảng 1,2 Hs đọc to VB, cả lớp lắng nghe, nhận xét 3. Một Hs đại diện trình bày thông tin về tác giả, tác phẩm trước lớp. Các Hs còn lại nhận xét, bổ sung. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV tổng hợp nhận xét lần lượt từng nhiệm vụ Hs đã hoàn thành.	**I. Tìm hiểu chung** **1. Tác giả** Văn Cao (1923-1995) - Tên thật là Nguyễn Văn Cao, quê gốc ở Nam Định nhưng sinh ra và lớn lên ở Hải Phòng. -Là một nghệ sĩ đa tài, Văn Cao có nhiều ảnh hưởng đối với nghệ thuật Việt Nam đương đại trên nhiều lĩnh vực: âm nhạc, hội họa và thơ ca. -Tác phẩm tiêu biểu: +Ca khúc: Tiến quân ca, Thiên thai, Trương Chi, Làng tôi, Trường ca sông Lô, Mùa xuân đầu tiên… +Thơ ca: Lá, Tuyển tập thơ Văn Cao **2. Văn bản** -Bài thơ ra đời vào mùa xuân Đinh Mão (tháng 2/ 1987) -Văn bản được in trong tập thơ "Lá" (1988). -Bố cục: + 6 dòng thơ đầu: Sức mạnh tàn phá của thời gian + 6 dòng thơ cuối: Những điều bất chấp quy luật khắc nghiệt của thời gian

Nội dung 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Khai thác được các giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản

b. Nội dung: Tìm hiểu nội dung và nghệ thuật văn bản qua việc trả lời các câu hỏi 1,2,3,4 trong SGK trang 63, 64.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS và kiến thức khám phá được từ bài thơ.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu 6 dòng thơ đầu **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** GV phân công nhóm 1,2 trả lời câu hỏi: *Câu 1: Dòng thơ đầu tiên cho thấy nhà thơ hình dung như thế nào về thời gian và về quan hệ giữa thời gian với con người?* (nhóm 1) *Câu 2: Hình ảnh chiếc lá khô và "tiếng sỏi trong lòng giếng cạn" gợi cho bạn cảm nhận gì về thời gian?* (nhóm 2) **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - Nhóm 1, 2 chuẩn bị sản phẩm bằng bảng phụ, trình chiếu, word… (làm trước ở nhà) **B3. Báo cáo thảo luận** -Nhóm 1 cử đại diện trình bày sản phẩm. Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung. -Nhóm 2 cử đại diện trình bày sản phẩm. Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** -Gv cho Hs tự đánh giá bằng Rubrics -Gv tổng hợp, kết luận	**II. Khám phá văn bản** **1. Sáu dòng thơ đầu: Sức mạnh của thời gian (câu hỏi 1,2 SGK trang 63)** -Dòng thơ đầu: *"Thời gian qua kẽ tay"* Nhà thơ hình dung thời gian như dòng nước trôi chảy không ngừng nhưng con người không thể níu kéo và nắm giữ được thời gian. - Năm dòng thơ tiếp theo: *"Làm khô những chiếc lá* *Kỉ niệm trong tôi* *Rơi* *như tiếng sỏi* *trong lòng giếng cạn"* Hình ảnh chiếc lá khô và *"tiếng sỏi trong lòng giếng cạn"* gợi cảm nhận về sự suy tàn, khô héo, mất dần sức sống. Thời gian khiến cho sự sống và cái đẹp cũng tàn phai. Thời gian êm đềm, nhẹ nhàng nhưng có sức tàn phá khủng khiếp đến cuộc sống và con người.
Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu 6 dòng thơ cuối **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Gv dùng phiếu học tập phân công nhóm 3,4 trả lời câu hỏi 3,4 trước ở nhà. -Phân công nhóm 3 trình bày *Câu 3: Hãy chỉ ra:* *a. Điểm tương đồng giữa các hình ảnh "những câu thơ",*	**2. Sáu dòng thơ cuối: Những điều bất chấp quy luật khắc nghiệt của thời gian (câu hỏi 3,4 trang 63)** - Điệp từ "riêng", điệp ngữ "còn xanh" (2 lần) thể hiện mạnh mẽ thái độ thách thức thời gian. -Hình ảnh biểu tượng: + "Những câu thơ", "bài hát": chỉ những sáng tạo nghệ thuật + "đôi mắt em": biểu tượng tình yêu - Điểm tương đồng giữa các hình ảnh "những câu thơ", "những bài hát" và "đôi mắt em": đều gợi cho ta nghĩ

"những bài hát" và "đôi mắt em" ở sáu dòng thơ cuối. *b. Điểm khác biệt giữa các hình ảnh vừa nêu (ở sáu dòng thơ cuối) với hình ảnh "những chiếc lá" (ở sáu dòng thơ đầu).* -Phân công nhóm 4 trình bày câu 4: *Nhận xét về mối tương quan giữa các hình ảnh thơ theo cột ngang và cột dọc trong bảng sau: (xem bảng trong SGK trang 63)* **B2. Thực hiện nhiệm vụ** - Nhóm 3,4 chuẩn bị sản phẩm bằng bảng phụ, trình chiếu, word… (làm trước ở nhà) **B3. Báo cáo thảo luận** -Đại diện nhóm 3 trình bày sản phẩm. Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung. -Đại diện nhóm 4 trình bày sản phẩm. Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** -HS tự đánh giá bằng Rubrics -GV tổng hợp, kết luận	đến cái đẹp trường tồn của nghệ thuật và tình yêu, vì nó sống mãi trong tâm hồn con người. -Sự khác biệt của ba hình ảnh trên với hình ảnh "những chiếc lá" (ở sáu dòng thơ đầu): một bên là cái đẹp và sự trường tồn, một bên là sự hủy hoại và tàn phai. -Mối tương quan giữa các hình ảnh thơ: +Sự tương phản giữa các hình ảnh: Sáu dòng thơ đầu | Sáu dòng thơ cuối | Nhận xét Những chiếc lá khô | Những câu thơ còn xanh Những bài hát còn xanh | Sự tương phản giữa héo úa và xanh tươi Tiếng sỏi trong lòng giếng cạn | Hai giếng nước | Sự tương phản giữa khô cạn và tràn đầy. +Sự tương đồng giữa các hình ảnh: Hình ảnh | Hình ảnh | Hình ảnh | Nhận xét Sáu dòng thơ đầu | Những chiếc lá khô | Tiếng sỏi trong lòng giếng cạn | Sự tương đồng: tàn úa, khô cạn, mất dần sức sống Sáu dòng thơ cuối | Những câu thơ còn xanh Những bài hát còn xanh | Hai giếng nước | Sự tương đồng: tươi mới, trong trẻo, tràn đầy sức sống.

Nội dung 3: Tổng kết

a. Mục tiêu: HS tự rút ra được đặc sắc về nghệ thuật, nội dung ý nghĩa của VB *"Thời gian"*

b.Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi 5 SGK trang 64 để khái quát đặc sắc về nghệ thuật của văn bản. Hs trao đổi với nhau để tự khái quát nội dung văn bản.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: thực hiện đồng thời 2 nhiệm vụ: -Gv yêu cầu 4 nhóm trưởng thống nhất đáp án câu hỏi 5 (đã được các nhóm chuẩn bị trước ở nhà)	**III. Tổng kết** **1. Nghệ thuật:** -Bài thơ viết theo thể thơ tự do, gần như không có vần, nhịp điệu chậm rãi khiến

-Gv yêu cầu các học sinh còn lại khái quát nội dung tư tưởng của bài thơ. **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** -Đại diện 4 nhóm thống nhất đáp án, chọn 1 đáp án đầy đủ nhất cho câu hỏi 5. -Các Hs còn lại thảo luận cặp đôi khái quát nội dung tư tưởng của bài thơ. **B3. Báo cáo thảo luận:** -Một HS đại diện các nhóm trình bày sản phẩm đã thống nhất. Cả lớp nhận xét, bổ sung. Gv nhận xét, chốt lại. -Khoảng 2,3 học sinh phát biểu cá nhân về nội dung tư tưởng của bài thơ. Các Hs khác nhận xét, bổ sung. Gv nhận xét chốt lại. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV đánh giá tổng quát về tinh thần, thái độ, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ.	bài thơ có sự giản dị, trầm lắng, dồn nén, hàm súc, giàu chất suy tưởng. -Bài thơ sử dụng nhiều yếu tố tượng trưng -Phát huy hiệu quả phép điệp cấu trúc, điệp từ, điệp ngữ. **2. Nội dung:** Bài thơ thể hiện những suy tư về thời gian và niềm tin mãnh liệt của tác giả vào sự trường tồn của nghệ thuật và tình yêu.

PHIẾU HỌC TẬP 1 (Phân công nhiệm vụ cho HS chuẩn bị trước ở nhà)

1. Bốn nhóm cùng làm:

- Giới thiệu ngắn gọn về tác giả Văn Cao và bài thơ "Thời gian" (mỗi nhóm 1 sản phẩm)

-Trả lời câu hỏi 5,6 (mỗi nhóm 1 sản phẩm)

2. Nhóm 1, 2 chuẩn bị câu hỏi 1,2 SGK trang 63.

-Nhóm 1 trình bày sản phẩm câu 1

-Nhóm 2 trình bày sản phẩm câu 2

3. Nhóm 3, 4 chuẩn bị câu hỏi 3,4 SGK trang 63

-Nhóm 3 trình bày sản phẩm câu 3

-Nhóm 4 trình bày sản phẩm câu 4 (theo bảng gợi ý của Phiếu học tập số 2)

PHIẾU HỌC TẬP 2 (Dùng trên lớp)

Câu 3/ SGK trang 63

a. Điểm tương đồng giữa các hình ảnh "những câu thơ", "những bài hát" và "đôi mắt em" ở sáu dòng thơ cuối.

……
……
……
……

b. Điểm khác biệt giữa các hình ảnh vừa nêu (ở sáu dòng thơ cuối) với hình ảnh "những chiếc lá" (ở sáu dòng thơ đầu).

……
……
……
……

Câu 4/SGK trang 63: Nhận xét về mối tương quan giữa các hình ảnh thơ theo cột ngang và cột dọc trong bảng sau:

-Mối tương quan giữa các hình ảnh thơ:

+Sự tương phản giữa các hình ảnh:

Sáu dòng thơ đầu	Sáu dòng thơ cuối	Nhận xét
Những chiếc lá khô	Những câu thơ còn xanh Những bài hát còn xanh	
Tiếng sỏi trong lòng giếng cạn	Hai giếng nước	

+Sự tương đồng giữa các hình ảnh:

Hình ảnh			Nhận xét
Sáu dòng thơ đầu	Những chiếc lá khô	Tiếng sỏi trong lòng giếng cạn	
Sáu dòng thơ cuối	Những câu thơ còn xanh Những bài hát còn xanh	Hai giếng nước	

Câu 6/ SGK trang 64

Đọc lại bài thơ Độc "Tiểu Thanh kí" (Nguyễn Du). Nêu ít nhất 1 điểm tương đồng và khác biệt trong cảm nhận thời gian của hai tác giả Nguyễn Du và Văn Cao

So sánh	Nguyễn Du	Văn Cao
Điểm tương đồng	*Nêu điểm tương đồng*	
	Dẫn chứng	*Dẫn chứng*
Điểm khác biệt		

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức về văn bản Thời gian đã học

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để viết 1 đoạn văn ngắn (khoảng 7 dòng) về thông điệp tác giả gửi gắm qua bài thơ

c. Sản phẩm: Đoạn văn của học sinh (khoảng 7 dòng)

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS viết 1 đoạn văn khoảng 7 dòng trình bày thông điệp mà tác giả gửi gắm qua bài thơ "Thời gian" trong 7 phút **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** 4 nhóm viết đoạn văn vào bảng phụ trong 7 phút. **B3. Báo cáo thảo luận** -4 nhóm treo bảng phụ. Đại diện Hs 4 đọc đoạn văn của nhóm mình. -Cả lớp cùng theo dõi, nhận xét, chọn 1 sản phẩm tốt nhất.	

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv đánh giá tổng quát.	

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: So sánh cảm nhận thời gian của Văn Cao và Nguyễn Du qua bài thơ Thời gian và Đọc Tiểu Thanh Kí

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học về thơ Văn Cao và Nguyễn Du để trả lời cho câu hỏi 6 trong SGK trang 64.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

-Nêu ít nhất 1 điểm tương đồng và khác biệt trong cảm nhận thời gian của hai tác giả:

So sánh	Nguyễn Du	Văn Cao
Điểm tương đồng	Cảm nhận về sự nghiệt ngã của thời gian	
	Vườn hoa thành bãi hoang, văn chương bị đốt dở	*Thời gian qua kẽ ta* *Làm khô những chiếc lá…*
Điểm khác biệt	Dự cảm xót xa về sự lãng quên của người đời với những giá trị nghệ thuật và số phận của người nghệ sĩ *Chẳng biết ba trăm năm lẻ nữa* *Người đời ai khóc Tố Như chăng?*	Thể hiện niềm tin vào sự trường tồn của những giá trị nghệ thuật và tình yêu *Riêng những câu thơ* *còn xanh* *Riêng những bài hát* *còn xanh* *Và đôi mắt em* *như hai giếng nước.*

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV bốc thăm ngẫu nhiên chọn 1 nhóm trình bày câu hỏi 6/trang 64

B2. Thực hiện nhiệm vụ: Hs đã chuẩn bị sản phẩm ở nhà. Nhóm được chọn trình bày sản phẩm.

B3. Báo cáo thảo luận

- Nhóm được chọn cử 1 đại diện trình bày sản phẩm.
- Các nhóm còn lại nhận xét bổ sung

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv đánh giá tổng quát.

4. Củng cố: Bài tập thử thách trong 1 phút: Nhìn vào văn bản trong SGK trong vòng 1 phút, sau đó hãy xếp sách lại và đọc thuộc bài thơ "Thời gian"

5. HDVN: Về nhà thực hiện yêu cầu câu 7 trang 64 và chuẩn bị tiết đọc kết nối chủ điểm "Ét-va Mun-chơ và Tiếng thét"

Ngày soạn: …/…/…

Bài: Đọc kết nối chủ điểm.

ÉT-VA-MUN-CHƠ VÀ "TIẾNG THÉT"

Su-si Hút-gi

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- Nhận biết và bước đầu nhận xét được một số nét độc đáo của văn bản

- Hiểu được nội dung bao quát và ý nghĩa của văn bản
- Phát hiện được các giá trị văn hoá, thẩm mĩ từ văn bản.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua hoạt động đọc.

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản.

3. Phẩm chất:

- Trân trọng trí tưởng tượng và di sản nghệ thuật của người xưa.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 11, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

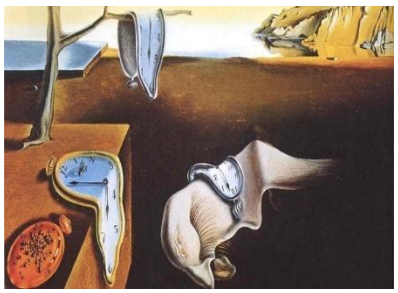
HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng HS thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV đặt những câu hỏi gợi mở vấn đề cho HS khi khám phá về cái tôi trong sáng tạo nghệ thuật

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS về những trải nghiệm của bản thân

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: *Quan sát các bức tranh sau và cho biết tên của bức tranh là gì? Của họa sĩ nào?*   B2. Thực hiện nhiệm vụ:	HS trả lời: (1): Sự dai dẳng của ký ức – Salvador Dali. (2) Mona Lisa - Leonardo da Vinci

- HS lắng nghe câu hỏi của GV, suy nghĩ để chuẩn bị chia sẻ. B3. Báo cáo thảo luận: - GV mời 2 HS chia sẻ trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV nhận xét, đánh giá Dẫn vào bài học: *Các tiết học trước, chúng ta đã học các văn bản về cái tôi của người nghệ sĩ. Cũng trong chủ đề này, hôm nay cô và cả lớp sẽ đi tìm hiểu một bài viết về câu chuyện nghệ thuật, đó là Ét-va-mun- chơ và "Tiếng thét".*	

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1: Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được nét thông tin cơ bản về văn bản ***Ét-va-mun- chơ và "Tiếng thét"***.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về nét thông tin cơ bản của văn bản ***Ét-va-mun- chơ và "Tiếng thét".***.

c. Sản phẩm học tập: Nét thông tin cơ bản về văn bản ***Ét-va-mun- chơ và "Tiếng thét"*** mà HS tiếp thu được.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, nêu nguồn dẫn và nội dung chính; bố cục của VB ***Ét-va-mun- chơ và "Tiếng thét*** theo phiếu học tập số 1. **PHIẾU HỌC TẬP 01: Tìm hiểu chung** Câu hỏi / Câu trả lời 1. Nêu xuất xứ văn bản 2. Nêu nội dung văn bản 3. Nêu bố cục văn bản **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS lắng nghe yêu cầu của GV, đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** - GV mời 1 HS phát biểu trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	**I. Tìm hiểu chung** 1. Xuất xứ: ***Ét-va-mun- chơ và "Tiếng thét".***trích từ "Câu chuyện nghệ thuật" của Su-si Hút-gi. 2. Nội dung Văn bản trên đề cập đến những chi tiết nghệ thuật quan trọng, những cái hay, cái thú vị sâu trong bức tranh "Tiếng thét". 3. Bố cục Bố cục: ● Phần 1 (Từng trải... Trường phái Biểu hiện Đức): Phong cách vẽ của Ét-va-Mun-chơ.

	● Phần 2 (Còn lại): Cảm nhận về bức tranh của họa sĩ Ét-va-Mun-chơ.

Nội dung 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được nội dung, ý nghĩa văn bản ***Ét-va-mun- chơ và "Tiếng thét".***

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về bài *Đi san mặt đất*.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học ***Ét-va-mun- chơ và "Tiếng thét".***

d. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS</th><th>DỰ KIẾN SẢN PHẨM</th></tr>
<tr><td>

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS đọc thầm VB sau đó thảo luận theo cặp để trả lời các câu hỏi theo phiếu học tập.

PHIẾU HỌC TẬP 02: Tìm hiểu chi tiết văn bản

<table>
<tr><th>Câu hỏi</th><th>Câu trả lời</th></tr>
<tr><td>1. Nêu những chi tiết quan trọng của bức tranh</td><td>----------
----
-------</td></tr>
<tr><td>2. Cảm xúc của người xem như thế nào khi xem những chi tiết trong bức tranh</td><td>----------
----
-------</td></tr>
<tr><td>3. Nêu giá trị của các yếu tố tượng trưng trong bức tranh</td><td>----------
----
-------</td></tr>
<tr><td>4. Nêu những cơ sở để xác định yếu tố tượng trưng trong tác phẩm nghệ thuật</td><td>----------
----
-------</td></tr>
</table>

</td><td>

II. Đọc hiểu chi tiết

Câu 1:

- Những chi tiết nghệ thuật quan trọng trong bức tranh "Tiếng thét"

+ Nhân vật chính trong tranh có đôi bàn tay xương xẩu, gầy gò ôm lấy chiếc đầu trông như hộp sọ với đôi mắt mở to và miệng há hốc như thốt lên một tiếng thét câm lặng.

+ Hai người đang đi bộ trên cầu ở đằng sau

+ Những đường xoáy và màu sắc chói chang thiếu tự nhiên càng làm tăng thêm cảm giác lo âu.

Câu 2: Cảm giác đối với người xem:

- Nhân vật quái dị với những hình thù uốn éo xuất hiện trong bức tranh mang lại cảm giác ghê sợ và rùng rợn.
- Sự mô hồ, dị thường của nhân vật chính và hai người đang đi bộ trên cầu ở đằng sau tạo nên một cảm giác đe dọa khó hiểu.
- Những đường xoáy và màu sắc chói chang thiếu tự nhiên càng làm tăng thêm cảm giác lo âu.

Câu 3: Giá trị của các yếu tố tượng trưng trong bức tranh "Tiếng thét":

- Các yếu tố tượng trưng trong bức tranh

+ Nhân vật chính trong tranh có đôi bàn tay xương xẩu, gầy gò ôm lấy chiếc đầu trông như họp sọ

</td></tr>
</table>

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thầm VB và thảo luận theo cặp để trả lời câu hỏi trong SGK. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** - GV mời 3 HS trả lời 3 câu hỏi trong SGK, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	+ Hai người đang đi bộ trên cầu + Những đường xoáy và màu sắc chói chang thiếu tự nhiên: bầu trời đột nhiên chuyển sang màu đỏ như máu, những lưỡi lửa lửng lơ phía trên vịnh biển hẹp màu xanh đen và trên thành phố. - Giá trị của các yếu tố tượng trưng + Thể hiện được cảm xúc của nhân vật, sự vật trong bức tranh + Thể hiện được tài năng hội họa trong việc nắm bắt chi tiết để phác họa vào trong tranh của nghệ sĩ + Gợi cho người đọc nhiều liên tưởng, cảm xúc khi xem tranh. **Câu 4:** Để xác định yếu tố tượng trưng trong một tác phẩm nghệ thuật, ta cần dựa vào các cơ sở như: 1. Ngữ cảnh lịch sử, văn hóa, xã hội trong thời điểm tác phẩm được sáng tác. 2. Các yếu tố nghệ thuật như phong cách, kỹ thuật, màu sắc, âm nhạc, hình ảnh, biểu tượng và sử dụng ngôn ngữ tượng trưng. 3. Nội dung của tác phẩm, bao gồm các sự kiện, nhân vật, đối tượng và mối liên hệ giữa chúng. 4. Cách tác giả truyền đạt thông điệp của mình thông qua các yếu tố tượng trưng. Từ những cơ sở này, ta có thể giải mã những yếu tố tượng trưng trong tác phẩm nghệ thuật và hiểu rõ hơn về ý đồ và thông điệp mà tác giả muốn truyền tải.

Nội dung 3: Hướng dẫn HS Tổng kết

a. Mục tiêu: HS tự rút ra được đặc sắc về nghệ thuật, nội dung ý nghĩa của VB *"Ét-va-mun- chơ và "Tiếng thét"."*

b.Nội dung hoạt động: HS thảo luận cặp đôi để khái quát đặc sắc nội dung và nghệ thuật văn bản

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động.

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: GV giao nhiệmvụ: Trình bày đặc sắc giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản?	**III. Tổng kết** **1. Nghệ thuật**

Bước 2:HS thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận theo cặp để trả lời câu hỏi. **Bước 3:Báo cáo kết quả hoạt động** **Bước 4:GV đánh giá, chốt lại vấn đề**	- Văn bản ngắn gọn, súc tích, cô đọng, cung cấp đầy đủ thông tin. - Văn phong, ngôn từ rõ ràng, mạch lạc. **2. Nội dung** Văn bản trên đề cập đến những chi tiết nghệ thuật quan trọng sâu trong bức tranh "Tiếng thét". Qua đó, người đọc cảm nhận một cách rõ nét hơn những dụng ý của người họa sĩ ẩn sau bức tranh. Đồng thời thấu hiểu hơn về cảm xúc của nhân vật chính và nghệ thuật vẽ tài tình của người họa sĩ.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: Trả lời câu hỏi, bài tập

c. Sản phẩm:Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1:GV giao nhiệm vụ: Làm việc cá nhân, chia sẻ suy nghĩ. **Câu 1:**Thông điệp em ấn tượng sâu sắc nhất về cuộc đời và sự nghiệp của Ét-va mun-chơ là gì? Vì sao? **Câu 2:** Từ những thông điệp mà bản thân rút ra hãy viết đoạn văn ngắn trình bày suy nghĩ của bản thân về vấn đề đó **Bước 2:HS thực hiện nhiệm vụ.** **Bước 3:Nhận xét.** **Bước 4:Chuẩn kiến thức.**	**Luyện tập** **Câu 1:**HS tự đưa ra thông điệp và lí giải. HS có thể chọn 1 trong những thông điệp sau: - Trong cuộc sống cần biết vượt lên nghịch cảnh. - Xây dựng nguồn cảm hứng cho bản thân trong cuộc sống - Phải biết tạo dựng cho mình một phong cách **Câu 2**: Viết đoạn văn ngắn trình bày suy nghĩ của bản thân về vấn đề đặt ra - HS thực hiện theo các bước làm bài + Đặt vấn đề + Lý giải vấn đề + Kết thúc vấn đề

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ

a) Mụctiêu:HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

b) Nội dung: Trả lời câu hỏi về tình huống thực tiễn rút ra từ bài học.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện.

Bước 1: GV giao nhiệm vụ.

Hoạt động cá nhân:

- Vấn đề 1: Chia sẻ về những lần bản thân thể hiện cái tôi của mình.
- Vấn đề 2: Theo em, mỗi người có cần tạo dựng cho mình một phong cách riêng không? Tại sao?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS thực hiện nhiệm vụ (GV có thể giao HS về nhà hoàn thành).

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

GV gọi HS báo cáo sản phẩm học tập trong tiết học tự chọn hoặc buổi chiều.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và cho điểm.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc hoàn chỉnh thêm các câu chuyện khác về chủ đề "*Cái tôi- thế giới độc đáo*".
- Chuẩn bị: Thực hành tiếng Việt

Sản phẩm của nhóm Zalo: NGỮ VĂN THPT (Nhóm cô Thu Huyền) – DỰ ÁN CỘNG ĐỒNG

Ngày soạn:

TÊN BÀI DẠY:

BÀI 8: CÁI TÔI THẾ GIỚI ĐỘC ĐÁO (Thơ)

Môn học: Ngữ văn Lớp: 11

Thời gian thực hiện: 10 tiết

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: BIỆN PHÁP TU TỪ LẶP CẤU TRÚC

(Thời gian thực hiện: 01 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nhận biết và phân tích được đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ lặp cấu trúc trong viết và nói tiếng Việt.

2. Về năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học; năng lực tư duy phản biện; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo; năng lực hợp tác.

- Năng lực đặc thù:

+ Xác định, phân tích được đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ lặp cấu trúc.

+ Phân tích, chỉ ra sự phù hợp của việc lựa chọn, sử dụng từ ngữ, cấu trúc được lặp lại phù hợp việc thể hiện nội dung của bài.

3. Về phẩm chất:

- Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt
- Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh liên quan, nội dung các PHT, câu hỏi để giao nhiệm vụ HT cho HS.
- Bảng phụ, giá treo tranh (trưng bày sản phẩm HT của HS) (nếu có), giấy A4, A0/A1/ bảng nhóm để HS trình bày kết quả làm việc nhóm, viết lông, keo dán giấy/ nam châm.
- SGK, SGV.
- Một số tranh ảnh do GV chuẩn bị có liên quan đến nội dung bài học (dùng cho hoạt động mở đầu hoặc các hoạt động hình thành kiến thức mới).
- Phiếu KWL, các PHT, các tiêu chí đánh giá sản phẩm.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (3p)

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút sự chú ý của HS vào việc thực hiện nhiệm việc học tập. Khắc sâu tri thức chung cho bài học.

b. Nội dung hoạt động: HS chia sẻ cách hiểu của mình

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>
Bước1. Chuyển giao nhiệm vụ
Học sinh đọc tên bài học và hoàn thành cột K, W của phiếu KWL để xác định những điều đã biết và muốn biết về nội dung của bài học.

<table>
<tr><td>K
(Những điều em đã biết về biện pháp tu từ lặp cấu trúc)</td><td>W
(Những điều em muốn biết thêm về biện pháp tu từ lặp cấu trúc)</td><td>L</td></tr>
<tr><td>……
.</td><td>……
.</td><td>……
…</td></tr>
</table>
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:
Cá nhân học sinh hoàn thành cột K, W
Bước 3. Báo cáo thảo luận:
GV yêu cầu 1-2 học sinh trình bày
Một số học sinh khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có)
Bước 4. Kết luận, nhận định
GV nhận xét, bổ sung
GV kết nối, dẫn vào bài mới: Mỗi biện pháp tu từ được người viết sử dụng có chủ đích nhằm đem lại những hiệu quả tu từ khác nhau. Trong tiết học hôm nay, chúng ta sẽ cùng đi tìm hiểu đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ lặp cấu trúc.
</td><td>Học sinh hoàn thiện phiếu học tập KWL theo yêu cầu GV.</td></tr>
</table>

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (10p)

a. Mục tiêu: HS nắm được khái niệm, tác dụng, đặc điểm,… của biện pháp tu từ lặp cấu trúc.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, cặp đôi để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Phiếu học tập 01: Tìm hiểu ví dụ về biện pháp tu từ lặp cấu trúc

<table>
<tr><td colspan="2">Phương pháp: Thảo luận nhóm theo hình thức lẩu băng chuyền (4 nhóm).
Thời gian: 3p (GV có thể kết hợp âm nhạc trong thời gian học sinh thảo luận, hết thời gian học sinh hoàn thiện và trình bày)
Yêu cầu: Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong đoạn trích dưới đây? Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ ấy?</td></tr>
<tr><th>Nhóm 1 + 2</th><th>Nhóm 3 + 4</th></tr>
</table>

a. *Không lấy được nhau mùa hạ, ta sẽ lấy nhau mùa đông* *Không lấy được nhau thời trẻ, ta sẽ lấy nhau lúc góa bụa về già.* (Trích *Lời tiễn dặn*, truyện thơ dân tộc Thái) **b.** *Trời xanh đây là của chúng ta* *Núi rừng đây là của chúng ta* *Những cánh đồng thơm mát* *Những ngả đường bát ngát* *Những dòng sông đỏ nặng phù sa* (Nguyễn Đình Thi)	**a.** *Nếu là chim, tôi sẽ là loài bồ câu trắng* *Nếu là hoa, tôi sẽ làm một đóa hướng dương* *Nếu là mây, tôi sẽ là một vầng mây ấm* *Là người, tôi sẽ chết cho quê hương.* (Trương Quốc Khánh) **b.** *Vậy mà ai ai cũng cho ông là thủ phạm. Vua xa xỉ là vì ông, công khố hao hụt là vì ông, dân gian lầm than là vì ông, man di oán giận là vì ông, thần nhân trách móc là vì ông.Cửu Trùng Đài, họ có cần đâu?Họ dấy nghĩa cốt giết ông, phá Cửu Trùng Đài.* (Nguyễn Huy Tưởng)

Dự kiến sản phẩm:

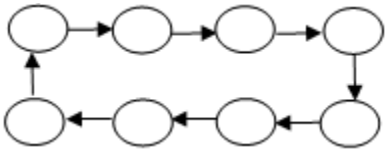
Nhóm 1 + 2	Nhóm 3 + 4
a. **-Phép lặp cấu trúc**: *Không lấy được nhau…* -Tác dụng: Khắc họa rõ nét hình ảnh và cảm xúc của nhân vật, họ muốn ở bên nhau dù thời gian có trôi qua bao lâu. **b.** - **Phép lặp cấu trúc**: *Trời xanh đây/ núi rừng đây/ những cánh đồng/ những ngả đường/ những dòng sông…* -Tác dụng: Tạo nên nhịp thơ dồn dập, giọng điệu hào hùng nhằm khẳng định ý thức chủ quyền về lãnh thổ, niềm tự hào về cảnh quan thiên nhiên trù phú của đất nước.	**a.** **-Phép lặp cấu trúc:** *Nếu là…tôi sẽ* -Tác dụng: Tăng sức gợi hình, gợi cảm, tạo nhịp điệu cho câu thơ. Nhấn mạnh mong ước chân thành của con người với khát khao hiến dâng. Bộc lộ tình cảm chân thành, tha thiết, khát khao cống hiến của tác giả. **b.** **-Phép lặp cấu trúc:** *…vì ông* -Tác dụng: Tăng sức gợi hình, gợi cảm cho lời nói của nhân vật, nhằm nhấn mạnh những tội ác của người được nói tới.

Phiếu học tập 02

Biện pháp tu từ lặp cấu trúc	
1. Khái niệm	
2. Mục đích – tác dụng	
3. Phạm vi sử dụng	
4. Phân loại/ Dấu hiệu nhận biết	

Dự kiến sản phẩm

Biện pháp tu từ lặp cấu trúc	
1. Khái niệm	Lặp cấu trúc là biện pháp tổ chức những vế câu hoặc những câu có cùng một kết cấu ngữ pháp, nhằm nhấn mạnh ý tưởng và tạo sự nhịp nhàng, cân đối cho văn bản.
2. Mục đích – tác dụng	Nhấn mạnh, khẳng định những nội dung hoặc hình ảnh mà tác giả muốn nhấn mạnh.
3. Phạm vi sử dụng	Dùng cả trong thơ và văn xuôi.
4. Dấu hiệu nhận biết	Chúng ta có thể bắt gặp biện pháp lặp cấu trúc trong phép đối. Đối là cách lặp lại cấu trúc ngữ pháp có sự đối lập về từ ngữ, thanh điệu…

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Thao tác 1: Xét ví dụ: **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ** GV chia 4 nhóm Thảo luận nhóm theo hình thức lẩu băng chuyền trong thời gian 3 phút, hoàn thành **Phiếu học tập số 01.**  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** HS suy nghĩ, thảo luận nhóm, viết câu trả lời ra giấy theo hình thức băng chuyền: 1->2->3->4... người cuối cùng. **Bước 3. Báo cáo thảo luận** Đại diện các nhóm trả lời miệng, trình bày kết quả vào giấy A0 đã chuẩn bị. **Bước 4. Kết luận, nhận định:** Giáo viên nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức. **Thao tác 2: Kết luận** **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** HS dựa vào nội dung phần **Tri thức Ngữ văn** (SGK/ tr 59-60), thảo luận theo cặp đôi: Hoàn thành **Phiếu học tập 02** sau: Biện pháp tu từ lặp cấu trúc -Khái niệm -Mục đích- tác dụng -Phạm vi sử dụng -Dấu hiệu nhận biết **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**	**I. LÝ THUYẾT** **1. Xét ví dụ** **Dự kiến sản phẩm nhóm 1+2** **a**. **-Phép lặp cấu trúc**: *Không lấy được nhau…* -Tác dụng: Khắc họa rõ nét hình ảnh và cảm xúc của nhân vật, họ muốn ở bên nhau dù thời gian có trôi qua bao lâu. **b.** - **Phép lặp cấu trúc**: *Trời xanh đây/ núi rừng đây/ những cánh đồng/ những ngả đường/ những dòng sông…* -Tác dụng: Tạo nên nhịp thơ dồn dập, giọng điệu hào hùng nhằm khẳng định ý thức chủ quyền về lãnh thổ, niềm tự hào về cảnh quan thiên nhiên trù phú của đất nước. **Dự kiến sản phẩm nhóm 3+4** **a.** **-Phép lặp cấu trúc:** *Nếu là…tôi sẽ* -Tác dụng: Tăng sức gợi hình, gợi cảm, tạo nhịp điệu cho câu thơ. Nhấn mạnh mong ước chân thành của con người với khát khao hiến dâng. Bộc lộ tình cảm chân thành, tha thiết, khát khao cống hiến của tác giả. **b.** **-Phép lặp cấu trúc:** *...vì ông* -Tác dụng: Tăng sức gợi hình, gợi cảm cho lời nói của nhân vật, nhằm nhấn mạnh những tội ác của người được nói tới. **2. Kết luận:** *Học sinh rút ra nhận xét sau khi hoàn thành PHT số 2* **-Khái niệm:** Lặp cấu trúc là biện pháp tổ chức những vế câu hoặc những câu có cùng

HS suy nghĩ, viết câu trả lời ra giấy. Sau đó cùng trao đổi với bạn trong bàn theo cặp đôi. **Bước 3. Báo cáo, thảo luận:** -Đại diện HS trả lời miệng, trình bày kết quả. -Các cặp khác nhận xét, bổ sung. **Bước 4. Kết luận, nhận định** Giáo viên nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức.	một kết cấu ngữ pháp, nhằm nhấn mạnh ý tưởng và tạo sự nhịp nhàng, cân đối cho văn bản. **-Mục đích-tác dụng:** Nhấn mạnh, khẳng định những nội dung hoặc hình ảnh; tạo sự nhịp nhàng, cân đối cho văn bản. **-Phạm vi sử dụng:** Dùng cả trong thơ và văn xuôi. **-Dấu hiệu nhận biết:** Chúng ta có thể bắt gặp biện pháp lặp cấu trúc trong phép đối. Đối là cách lặp lại cấu trúc ngữ pháp có sự đối lập về từ ngữ, thanh điệu…

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (30p)

a. Mục tiêu:

- Nhận diện được biện pháp tu từ lặp cấu trúc trong các ngữ liệu đọc – hiểu.
- Phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ lặp cấu trúc trong các ngữ cảnh cụ thể.
- Tạo lập được văn bản có sử dụng hiệu quả biện pháp tu từ lặp cấu trúc.

b. Nội dung: HS thực hiện nhóm hoàn thiện bài tập Thực hành tiếng Việt 1,2 và bài tập từ đọc đến viết.

c. Sản phẩm: Nội dung trả lời các bài tập 1, 2 (SGK/ tr. 65-67) và bài tập từ đọc đến viết

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu học sinh thảo luận cặp đôi - HS thảo luận để hoàn thành các bài tập 1, 2, (SGK/tr.65-67) - Mỗi bài tập GV dành khoảng 03 phút để HS thảo luận cặp đôi hoặc nhóm trong bàn, sau đó GV mời phát biểu. **Bài tập 1:** Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ lặp cấu trúc trong những đoạn trích dưới đây: a. *Trăng nhập vào dây cung nguyệt lạnh,* *Trăng thương, trăng nhớ, hỡi trăng ngần.* *Đàn buồn, đàn lặng, ôi đàn chậm!* *Mỗi giọt rơi tàn như lệ ngân.* (Xuân Diệu, *Nguyệt Cầm*) b. *Sự thật là từ mùa thu năm 1940, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật, chứ không phải thuộc địa Pháp nữa. Khi Nhật hàng Đồng minh thì nhân dân cả nước ta đã nổi dậy giành chính quyền lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.* *Sự thật là dân ta đã lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp.* *Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân đã*	**II.Thực hành:** **1.Bài tập 1:** a. Biện pháp tu từ lặp cấu trúc: -Lặp cấu trúc trong từng dòng thơ: *Trăng thương/ trăng nhớ* *Đàn buồn/ đàn lặng* -Lặp cấu trúc ở hai dòng thơ: *Trăng nhập vào dây cung nguyệt lạnh,* *Trăng thương, trăng nhớ, hỡi trăng ngần.* -Tác dụng: Làm cho cấu trúc thơ ngắt thành những nhịp ngắn, mô phỏng tiếng đàn đang bắt đầu tấu lên, rải từng nốt chậm rãi; thể hiện sự lặp đi lặp lại của cảm giác trống rỗng, cô đơn và buồn bã một cách sâu sắc của nhân vật. b. Biện pháp tu từ lặp cấu trúc: - Phép lặp cấu trúc câu (1) và (3): *Sự thật là…* Câu (5) và câu (6): *Dân ta đã đánh đổ/ Dân ta lại đánh đổ* - Phép lặp cấu trúc giữa các vế câu ở câu (4): *Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị.* -> Đây là phép lặp cấu trúc cụm C-V trong cùng một câu ghép. - Phép lặp cấu trúc thành phần câu:

gần một trăm năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỉ mà lập nên chế độ dân chủ Cộng hòa. [...] *Một dân tộc đã gan góc chống dịch nô lệ của Pháp hơn tám mươi năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!* *Vì những lẽ trên, chúng tôi, Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trịnh trọng tuyên bố với thế giới rằng:* *Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã trở thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy.* (Hồ Chí Minh, *Tuyên ngôn Độc lập*)	*một dân tộc đã gan góc chống dịch nô lệ của Pháp hơn tám mươi năm nay/ một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít mấy năm nay.* *tinh thần và lực lượng/tính mạng và của cải*->lặp cấu trúc các bổ ngữ. -Phép lặp cấu trúc cụm C-V nòng cốt câu: *dân tộc đó phải được tự do/Dân tộc đó phải được độc lập!* -Tác dụng: Tạo giọng văn đanh thép, hùng hồn, mạnh mẽ, khẳng định những sự thật lịch sử không thể chối cãi.
c. *Gió, gió thổi rào rào* *Trăng, trăng lay chấp chới.* *Trời tròn như buồm căng* *Tất cả lên đường mới* *Hồn ta cánh rộng mở* *Đôi bên gió thổi vào,* *Nghĩ những điều hớn hở* *Như trời cao, cao, cao.* (Xuân Diệu, *Gió)*	c.Biện pháp tu từ lặp cấu trúc: -Phép lặp cấu trúc: *Gió, gió thổi rào rào/ Trăng, trăng lay chấp chới* -> Phép lặp cấu trúc giữa hai dòng thơ. -Tác dụng: Nhấn mạnh sự tươi mới của mọi sự vật trong trời đất.
d. *Rau cần, với cải bắp cho một tí rau răm vào, muối xổi, lấy ra ăn với thịt đông hay kho tàu, nó lạ miệng và có khi thú hơn cả dưa cải nữa... Nhưng ăn cháo ám mà không có rau cần thì... hỏng, y như thế là vào một khoảng vườn mà không có hoa, đi trong mùa xuân mà không thấy bướm.* (Vũ Bằng, *Thương nhớ mười hai*)	d. Biện pháp tu từ lặp cấu trúc: -Phép lặp cấu trúc: *một khoảng vườn mà không có hoa, đi trong mùa xuân mà không thấy bướm.* -Tác dụng:nhấn mạnh ý nghĩa quyết định của rau răm đối với chất lượng của món cháo ám.
Bài tập 2: Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu: *Riêng những câu thơ* *còn xanh* *Riêng những bài hát* *còn xanh* *Và đôi mắt em* *như hai giếng nước.* (Văn Cao, *Thời gian*)	**2.Bài tập 2:** a. Biện pháp tu từ lặp cấu trúc giữa hai dòng thơ: *Riêng những câu thơ còn xanh/ Riêng những bài hát còn xanh* -Tác dụng: nhấn mạnh sự trường tồn của những giá trị tinh thần, nghệ thuật. b. Cách diễn đạt "*những câu thơ còn xanh*" và "*những bài hát còn xanh*" hữu hình hóa những đối tượng trừu tượng như câu thơ, bài hát;

a.Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ lặp cấu trúc trong đoạn thơ. b.Cách diễn đạt "những câu thơ còn xanh", "những bài hát còn xanh" có gì đặc biệt? **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** - HS suy nghĩ cá nhân rồi thảo luận nhóm trong bàn/ cặp đôi. - HS thảo luận-> trình bày giấy A0/A3 - GV quan sát, động viên, khuyến khích. **Bước 3. Báo cáo thảo luận** - GV gọi đại diện một số HS phát biểu. - Các HS khác nhận xét, bổ sung. **Bước 4. Kết luận, nhận định** -GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần)	biến câu thơ, bài hát thành những thực thể có sức sống, có sức trẻ, chống lại sự tàn phá của thời gian.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Phương pháp: Dạy học dự án HS làm việc theo 4 nhóm Yêu cầu: Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) tự phác họa nét nổi bật trong tính cách của bạn, trong đó có sử dụng biện pháp tu từ lặp cú pháp. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** Trên cơ sở HS đã chuẩn bị ở nhà, GV hướng dẫn HS hoàn thiện nhanh tại lớp theo các bước sau: + Đọc kĩ nhiệm vụ HT, xác định yêu cầu về nội dung và hình thức của bài viết. + Xác định đề tài cho đoạn văn dựa trên một số câu hỏi gợi ý sau: Xác định một hoặc hai nét nổi bật trong tính cách của bản thân là gì? + Hoàn thiện đoạn văn → Đọc lại → Chỉnh sửa. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** - GV cung cấp bảng kiểm đoạn văn. - Gọi đại diện một vài HS trình bày đoạn văn. - HS đổi bài theo nhóm đôi để đọc, đánh giá theo bảng kiểm cho trước và đề xuất phương án sửa. - Các HS khác lắng nghe, nhận xét. **Bước 4: Kết luận, nhận định:** -GV nhận xét và chuẩn kiến thức.	**3.Bài tập từ đọc đến viết:** -HS viết đoạn văn theo yêu cầu: Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) tự phác họa nét nổi bật trong tính cách của bạn, trong đó có sử dụng biện pháp tu từ lặp cú pháp. -Dựa vào bảng kiểm để chỉnh sửa lại đoạn văn.

Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn vận dụng từ đọc đến viết:

STT	Tiêu chí	Đạt/ Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 200 chữ.	

2	Đoạn văn đúng yêu cầu: tự phác họa một hoặc hai nét tính cách nổi bật của bản thân (trong đó có sử dụng biện pháp tu từ lặp cú pháp).	
3	Có câu chủ đề.	
4	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn.	
5	Đoạn văn đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.	
6	Đoạn văn có sử dụng biện pháp tu từ lặp cú pháp.	

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (2p)

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập thực tiễn

b. Nội dung: HS làm bài tập thực hành viết

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu học sinh hoàn thiện cá nhân:

-Ghi lại những đoạn thơ/văn xuôi đã học có sử dụng phép lặp cú pháp ?

-Phân tích hiệu quả nghệ thuật của phép lặp cú pháp đó?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:

- HS công bố bài viết trên trang web của lớp hoặc bảng tin HT của lớp.
- Đọc và gửi những ý kiến góp ý cho bài viết của các bạn.

Bước 3. Báo cáo thảo luận

- Học sinh có thể trao đổi, góp ý cho nhau bằng hình thức trao đổi trực tiếp hoặc qua trang của nhóm, lớp.

Bước 4. Kết luận, nhận định

-GV nhận xét, chỉnh sửa và bổ sung (nếu cần)

4. Củng cố:

5. HDVN:

Bài 8: CÁI TÔI – THẾ GIỚI ĐỘC ĐÁO (THƠ

VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VỀ TÁC PHẨM VĂN HỌC (BÀI THƠ)/ TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT (BỨC TRANH, PHO TƯỢNG)

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. MỤC TIÊU DẠY HỌC

Sau khi học xong bài học này, HS có thể:

1. **Năng lực**

1.1. Năng lực đặc thù

– Biết viết VB bảo đảm các bước: Chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); Tìm ý và lập dàn ý; Viết bài; Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

– Viết được bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ/ tác phẩm nghệ thuật: Chủ đề, những nét đặc sắc về nghệ thuật và tác dụng của chúng.

1.2. Năng lực chung

– NL tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong HT.

– NL giao tiếp, hợp tác: thông qua hoạt động đọc, viết, nói và nghe, năng lực hợp tác

thông qua các hoạt động làm việc nhóm, chia sẻ, góp ý cho bài viết và bài nói của bạn.

2. Phẩm chất

Chăm chỉ luyện tập kĩ năng viết.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện, câu hỏi để giao nhiệm vụ học tập cho HS

– Bảng phụ, giấy A4, A0/A1/ bảng nhóm để HS trình bày kết quả làm việc nhóm, viết lông, keo dán giấy/ nam châm….

– SGK, SGV.

– Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm; bài trình bày văn bản của nhóm HS trên bảng tin học tập của lớp.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

1. Hoạt động xác định nhiệm vụ viết

a. Mục tiêu: Xác định được nhiệm vụ viết.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về nhiệm vụ học tập cần thực hiện.

c. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	*DỰ KIẾN SẢN PHẨM*
B1. Giao nhiệm vụ học tập: GV yêu cầu học sinh đọc khung *Yêu cầu cần đạt* trong SGK tr.59, tên đề mục phần kĩ năng Viết và xác định nhiệm vụ học tập. GV đặt cho HS câu hỏi: *"Dựa vào yêu cầu cần đạt và tên đề mục phần kĩ năng Viết, các em hãy cho biết: trong bài học này, chúng ta sẽ thực hiện nhiệm vụ viết nào?"* ***B2. Thực hiện nhiệm vụ học tập:*** Cá nhân HS đọc khung *Yêu cầu cần đạt* trong SGK tr.59 và tìm câu trả lời. ***B3. Báo cáo, thảo luận:*** HS trả lời trước lớp về nhiệm vụ học tập sẽ thực hiện. ***B4. Kết luận, nhận định:*** GV nhận xét câu trả lời của HS, xác nhận lại nhiệm vụ học tập: trong bài học này, HS cần viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ/ tác phẩm nghệ thuật nêu và nhận xét về nội dung, những nét đặc sắc về nghệ thuật.	– Biết viết VB bảo đảm các bước: Chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); Tìm ý và lập dàn ý; Viết bài; Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm. – Viết được bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ/ tác phẩm nghệ thuật: Chủ đề, những nét đặc sắc về nghệ thuật và tác dụng của chúng. – NL tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong HT. – NL giao tiếp, hợp tác: thông qua hoạt động đọc, viết, nói và nghe, năng lực hợp tác thông qua các hoạt động làm việc nhóm, chia sẻ, góp ý cho bài viết và bài nói của bạn.

2. Hoạt động giới thiệu tình huống giao tiếp khi thực hiện bài viết

a. Mục tiêu: Học sinh nhận biết được tình huống giao tiếp khi thực hiện bài viết.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về tình huống giao tiếp do GV đặt ra.

c. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	*DỰ KIẾN SẢN PHẨM*
**** Giao nhiệm vụ học tập:*** GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi về câu hỏi: *Sau khi đọc một bài thơ hay trên sách, báo chí, mạng Internet bạn muốn phân tích đánh giá về bài thơ ấy, bạn đã gặp những khó khăn nào?* **** Thực hiện nhiệm vụ học tập:*** HS thảo luận nhóm và tìm câu trả lời. **** Báo cáo, thảo luận:*** Đại diện 2-3 nhóm HS trình bày, các nhóm khác góp ý, bổ sung (nếu có). Hoặc tất cả các nhóm	*HS nêu những khó khăn sau khi đọc một bài thơ hay trên sách, báo chí, mạng Internet bạn muốn phân tích đánh giá về bài thơ ấy* *Ví dụ: - Xác định vấn đề nghị luận* - *Tìm ý*

cùng dán/ đính câu trả lời lên bảng phụ. **** Kết luận, nhận định:*** – GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và hướng dẫn HS tổng hợp vấn đề mà HS cảm thấy khó khăn khi viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ[1] ***– GV dẫn dắt, giới thiệu nội dung bài học mới.***	- *Diễn đạt…* - ….

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Hoạt động tìm hiểu tri thức về kiểu bài

1.1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Kích hoạt kiến thức nền của HS về kiểu văn bản nghị luận văn học.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS trình

c. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	*DỰ KIẾN SẢN PHẨM*
B1. Giao nhiệm vụ học tập: GV yêu cầu HS trả lời theo cặp nội dung câu hỏi của GV: *Theo em để có thể viết tốt một bài văn nghị luận luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ/ tác phẩm nghệ thuật nêu và nhận xét về nội dung, những nét đặc sắc, em cần đảm bảo những ý nào?* ***B2. Thực hiện nhiệm vụ học tập***: HS tìm câu trả lời cho câu hỏi mà GV đặt ra. ***B3. Báo cáo, thảo luận***: Đại diện học sinh trả lời câu hỏi trước lớp. ***B4. Kết luận, nhận định***: GV nhận xét ý kiến của học sinh.	- Mở bài: Giới thiệu nhan đề, tác giả và cảm xúc chung về bài thơ - Thân bài: Trình bày sự phân tích đánh giá của người viết về nội dung và nghệ thuật của bài thơ. Làm rõ sự phân tích đánh giá của bản thân người viết bằng những hình ảnh, từ ngữ được trích từ văn bản. - Kết bài: Khẳng định lại cảm xúc về bài thơ và ý nghĩa của bài thơ đối với bản thân

1.2. Hoạt động tìm hiểu tri thức về bài văn nghị luận phân tích đánh giá khi đọc một tác phẩm thơ/ tác phẩm nghệ thuật.

a. Mục tiêu: Nhận biết được khái niệm, yêu cầu đối với bài văn nghị luận phân tích đánh giá khi đọc một tác phẩm thơ/ tác phẩm nghệ thuật.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về khái niệm, yêu cầu đối với bài văn nghị luận phân tích đánh giá khi đọc một tác phẩm thơ/ tác phẩm nghệ thuật. .

c. Tổ chức hoạt động

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	*DỰ KIẾN SẢN PHẨM*
B1. Giao nhiệm vụ học tập: GV yêu cầu HS đọc khung thông tin trong SGK/tr.68 và chốt kiến thức lí thuyết về đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bằng sơ đồ	Tri thức Kiểu bài văn nghị luận phân tích đánh giá khi đọc một tác phẩm thơ/ tác phẩm nghệ thuật. * Nghị luận về một tác phẩm văn học (bài thơ) hoặc một tác phẩm nghệ thuật (bức tranh, pho tượng) là kiểu bài nghị luận dùng lí lẽ, bằng

[1]

B2. Thực hiện nhiệm vụ học tập: HS đọc khung thông tin trong SGK/tr.68 theo cặp, nhận biết thông tin và thực hiện sơ đồ tóm lược kiến thức. ***(phiếu học tập 1)*** ***B3. Báo cáo, thảo luận:*** Đại diện HS trình bày trước lớp ý kiến của mình dựa trên sơ đồ khuyết mà GV chuẩn bị trên bảng ***(phiếu học tập 1)***. HS khác bổ sung (nếu có) ***B4. Kết luận, nhận định:*** GV đánh giá tính chính xác của sơ đồ dựa vào *Tri thức về kiểu bài* được trình bày trong SGK/tr.68	chứng để làm rõ giá trị nội dung và một số nét đặc sắc về nghệ thuật của một bài thơ hoặc một bức tranh, pho tượng. ầu đối với kiêu bài: Về nội dung: - Nêu được một số nét đặc sắc về nội dung của tác phẩm (từ ngữ, hình ảnh, chủ đề, tư tưởng, cảm hứng, thông điệp,...) và nghệ thuật của tác phẩm (từ ngữ, hình ảnh, bố cục, thể thơ, vần, nhịp, các biện pháp nghệ thuật trong bài thơ; chất liệu, bố cục, màu sắc, chi tiết nghệ thuật,... của bức tranh/ pho tượng). - Có những lí lẽ xác dáng, hợp lí dựa trén các bằng chứng tiêu biểu từ tác phẩm. Về hình thức, đảm bảo các yêu cầu của kiểu bài nghị luận: lập luận chặt chẽ; kết hợp các thao tác nghị luận; diễn đạt mạch lạc; sử dụng các phương tiện liên kết hợp lí để giúp người đọc nhận ra mạch lập luận. Bố cục đảm bảo ba phần: Giới thiệu vấn đé nghị luận (tên tác phẩm, tác giả, khái quát nội dung, ý nghĩa của tác phẩm hoặc nêu định hướng của bài viết). - Thân bài: Lần lượt trình bày các luận điểm về những nét đặc sắc về nội dung và hình thức nghệ thuật; đưa ra lí lẽ và bằng chứng đa dạng, thuyết phục để làm sáng tò luận điểm; các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí. - Kết bài: Khẳng định giá trị của tác phẩm hoặc nêu ý nghĩa của tác phẩm đối với bản thân người đọc.

2. Hoạt động hướng dẫn phân tích kiểu văn bản

a. Mục tiêu: Nhận biết các yêu cầu về kiểu bài thông qua việc đọc và phân tích VB mẫu.

b. Sản phẩm: Các câu trả lời của HS về đặc điểm, yêu cầu của kiểu bài thông qua việc phân tích VB mẫu.

c. Tổ chức hoạt động

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	*DỰ KIẾN SẢN PHẨM*
B1. Giao nhiệm vụ học tập: Nhiệm vụ (1): GV yêu cầu HS đọc ngữ liệu tham khảo 1 (sgk T69) và ngữ liệu tham khảo 2 (sgk tr70), lần lượt trả lời các câu hỏi trong phần hướng dẫn. *Nhiệm vụ (2): Học sinh thảo luận nhóm đôi và thực hiện các câu hỏi:* ****VB1(sgk T69): Con chào mào, một thông điệp ý***	*VB1: Con chào mào, một thông điệp ý nghĩa 1. Cách mở bài của VB trên có gì đặc sắc? Văn bản trên được mở bài theo hình thức gián tiếp: đi từ giới thiệu loài chim chào mào và từ đó liên hệ tới bài thơ "Con chào mào" của Mai Văn Phấn. 2. Các luận điểm trong VB bàn về điều gì? Những câu nào là câu chủ đề của mỗi luận điểm? - Các luận điểm trong bài thơ nêu lên nhận định của tác giả về nội dung và hình thức nghệ thuật của bài thơ "Con chào mào" của Mai Văn Phấn. Các luận điểm nhỏ làm căn cứ, cơ sở, minh chứng cho luận điểm lớn.

nghĩa 1. Cách mở bài của VB trên có gì đặc sắc? 2. Các luận điểm trong VB bàn về điều gì? Những câu nào là câu chủ đề của mỗi luận điểm? 3. Tác giả đã sử dụng những lý lẽ, bằng chứng nào để làm sáng tỏ luận điểm?	- Câu chủ đề của mỗi luận điểm: + Luận điểm 1: Về nội dung, bài thơ gợi ra những thông điệp đa nghĩa. + Luận điểm 2: Về hình thức nghệ thuật, bài thơ có nhiều nét đặc sắc. 3. Tác giả đã sử dụng những lý lẽ, bằng chứng nào để làm sáng tỏ luận điểm? Với luận điểm 1: Về nội dung, bài thơ gợi ra những thông điệp đa nghĩa. + Lí lẽ 1: Ý nghĩa thứ nhất của bài thơ: Điều đầu tiên độc giả có thể nghĩ đến là câu chuyện về mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên. + Bằng chứng 1: Kể cả việc con người dùng thiên nhiên như một công cụ (khung nắng, khung gió, nhành cây xanh) để chinh phục thiên nhiên (con chào mào). Cuối cùng, con người đã nhận ra rằng, nếu trả thiên nhiên về cho thiên nhiên lúc ấy, dù là thiên nhiên vật chất (con chào mào đốm trắng mũ đỏ) hay là thiên nhiên tinh thần (tiếng hót).... + Lí lẽ 2: Bên cạnh đó, nhà thơ giúp người đọc phân biệt được cái đẹp và cái có ích, Con chào mào.... ngoài tự tính thẩm mỹ. + Bằng chứng 2: Con chào mào đốm trắng...uýt...huýt...tu hìu. - Với luận điểm 2: Về hình thức nghệ thuật, bài thơ có nhiều nét đặc sắc. + Lí lẽ: Nhà thơ đã xây dựng...con người với tự nhiên. + Bằng chứng: Chi tiết tiếng chim chào mào... yếu tố tự sự, miêu tả và biểu cảm.
VB2 (sgk T70): Thiếu nữ chơi đàn nguyệt– tranh lụa của Mai Trung Thứ** 1. Nội dung luận điểm thứ nhất và luận điểm thứ hai là gì? 2. Tác giả đã dùng những lý lẽ và dẫn chứng nào để làm sáng tỏ luận điểm? 3. Cách kết luận của bài viết này có gì khác so với cách kết luận của VB1? * Báo cáo, thảo luận:*** – Một số HS trình bày ý kiến trước lớp. Các HS khác nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu có). – HS nêu câu hỏi cần giải đáp (nếu có)	*VB2: Thiếu nữ chơi đàn nguyệt – tranh lụa của Mai Trung Thứ 1. Nội dung luận điểm - Luận điểm thứ nhất: Khẳng định tài năng của họa sĩ Mai Trung Thư và sức hấp dẫn của bức tranh "Thiếu nữ chơi đàn nguyệt" đối với người xem. - Luận điểm thứ hai: Cách thức mà họa sĩ vẽ tranh - sử dụng những kĩ thuật tạo hình phương Tây. 2. Tác giả đã dùng những lý lẽ và dẫn chứng nào để làm sáng tỏ luận điểm? 3. Cách kết luận của bài viết này có gì khác so với cách kết luận của VB1? Cách kết luận của bài viết này khác với cách kết luận của bài viết "Con chào mào", "một thông điệp đa nghĩa" ở chỗ: + Bài viết này được kết luận theo hình thức gián tiếp: dẫn dắt vấn đề từ tác giả đến tác phẩm và khẳng định

**** Kết luận, nhận định:*** GV góp ý cho câu trả lời của HS, hướng dẫn HS kết luận vấn đề Sau khi tất cả các nhóm đã hoàn thành bước 3, GV tiến hành nhận xét, bổ sung ý kiến và tổng hợp lại các nội dung mà HS đã hoàn thành.	lại giá trị của tác phẩm. + Bài viết "Con chào mào", "một thông điệp đa nghĩa": dẫn dắt trực tiếp, khẳng định lại giá trị nghệ thuật và nội dung của tác phẩm.

3. Hoạt động thực hành viết theo quy trình

3.1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Kích hoạt kiến thức nền cho HS về quy trình viết.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về quy trình viết.

c. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	*DỰ KIẾN SẢN PHẨM*
B1. Giao nhiệm vụ học tập*:** GV yêu cầu HS nhắc lại bốn bước trong quy trình viết và thao tác chung từng bước bằng cách đặt câu hỏi: + Kể tên bốn bước trong quy trình viết một văn bản? + Ở từng bước, chúng ta cần thực hiện những thao tác nào? ***B2. Thực hiện nhiệm vụ học tập: HS thảo luận câu hỏi theo cặp và ghi nhanh ra giấy. ***B3. Báo cáo, thảo luận:*** Đại diện 2-3 nhóm HS trình bày câu trả lời trước lớp. HS khác bổ sung (nếu có) ***B4. Kết luận, nhận định:*** GV kết luận	<table><tr><th>Quy trình viết</th><th>Thao tác cần làm</th></tr><tr><td rowspan="3">Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết</td><td>Xác định mục đích, người đọc</td></tr><tr><td>Xác định đề tài</td></tr><tr><td>Thu thập tư liệu</td></tr><tr><td rowspan="2">Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý</td><td>Tìm ý</td></tr><tr><td>Lập dàn ý</td></tr><tr><td>Bước 3: Viết đoạn văn</td><td>Viết đoạn văn</td></tr><tr><td rowspan="2">Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm</td><td>Xem lại và chỉnh sửa</td></tr><tr><td>Rút kinh nghiệm</td></tr></table>

3.2. Hoạt động hướng dẫn lí thuyết về quy trình viết bài văn nghị luận phân tích đánh giá khi đọc tác phẩm thơ/ tác phẩm nghệ thuật.

a. Mục tiêu: Nhận biết được những thao tác cần làm, những lưu ý khi thực hiện các bước trong quy trình viết bài văn nghị luận **về** tác phẩm thơ/ tác phẩm nghệ thuật.

b. Sản phẩm: Bảng tóm tắt của học sinh (theo mẫu ***Phiếu học tập 2***)

c. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	*DỰ KIẾN SẢN PHẨM*
B1. Giao nhiệm vụ học tập: - GV yêu cầu HS đọc tri thức về quy trình viết bài văn nghị luận phân tích đánh giá khi đọc tác phẩm thơ/ tác phẩm nghệ thuật (sgk 72, 73,74)	**QUY TRÌNH VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH ĐÁNH GIÁ KHI ĐỌC MỘT TÁC PHẨM THƠ/ TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT**

***B2. Thực hiện nhiệm vụ học tập*:** HS đọc tri thức về quy trình viết bài văn nghị luận phân tích đánh giá khi đọc tác phẩm thơ/ tác phẩm nghệ thuật (sgk 72, 73,74) theo cặp, nhận biết thông tin v– GV nhắc nhở HS khi làm việc nhóm cần chủ động đề xuất rõ mục đích hợp tác và nỗ lực đạt được mục đích đó.

B3. Báo cáo, thảo luận: Đại diện 1-2 nhóm trình bày kết quả thảo luận.

B4. Kết luận, nhận định:

– GV nhận xét quá trình làm việc nhóm của HS thông qua việc quan sát. GV chú ý đánh giá mức độ chủ động của HS trong việc đề xuất mục đích hợp tác trước khi các em bắt đầu thảo luận.

- GV đánh giá tính chính xác của nội dung dựa vào Tri thức về kiểu bài được trình bày trong SGK/tr. 72, 73,74

Quy trình viết	Thao tác cần thực hiện	Công việc thực hiện
Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết	Xác định mục đích, người đọc Xác định đề tài Thu thập tư liệu	Chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu) Trước 1 tuần, GV cho HS chọn bài thơ mà em yêu thích và muốn viết và dựa vào những hướng dẫn trong SGK để xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu.
Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý	Tìm ý	Dựa vào gợi ý tìm ý trong phần hướng dẫn quy trình viết trong tác phẩm thơ/ tác phẩm nghệ thuật.
	Lập dàn ý	**Mở bài**: Giới thiệu bài thơ và tác giả, nhận xét khái quát về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm thơ/ tác phẩm nghệ thuật. **Thân bài** Lần lượt phân tích đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm thơ/ tác phẩm nghệ thuật. **Kết bài**: Khẳng định lại chủ đề và những nét đặc sắc nghệ thuật của bài thơ; tác động của bài thơ đối với bản thân hoặc cảm nghĩ về tác phẩm. Sau đó, cho HS trao đổi dàn ý trong nhóm đôi để HS góp ý cho nhau.
Bước 3: Viết bài	Viết bài văn	GV nhắc HS khi viết bài, cần bám vào dàn ý, đồng thời nhìn vào yêu cầu đối với bài văn để đảm bảo được yêu cầu.
Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm	Xem lại và chỉnh sửa	- Yêu cầu mỗi HS tự đọc lại bài của mình và dùng bảng kiểm để tự điều chỉnh bài văn.
	Rút kinh nghiệm	Đổi bài với bạn cùng nhóm để góp ý cho nhau dựa trên bảng kiểm. Việc chia sẻ bài văn sẽ được thực hiện trong giờ nói và nghe.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

1. Hoạt động chuẩn bị trước khi viết

1.1. Hoạt động Xác định mục đích, đối tượng và đề tài

a. Mục tiêu: Biết cách xác định mục đích, đối tượng và đề tài của bài văn nghị luận phân tích đánh giá khi đọc một tác phẩm thơ/ tác phẩm nghệ thuật.

Vận dụng năng lực ngôn ngữ và năng lực cảm thụ thực hành bài Nói và nghe: *Giới thiệu về một bài thơ hoặc bức tranh/ pho tượng*.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh về việc xác định mục đích, đối tượng và đề tài của bài văn nghị luận phân tích đánh giá khi đọc một tác phẩm thơ/ tác phẩm nghệ thuật.

c. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	***DỰ KIẾN SẢN PHẨM***
B1. Giao nhiệm vụ học tập*:** GV cho HS đọc đề bài trong SGK/tr71. (*Hãy viết một bài văn nghị luận về một bài thơ hoặc một bức tranh/pho tượng mà bạn yêu thích.)* Sau đó, yêu cầu HS: *** Làm việc cá nhân:** 1/ Xác định mục đích, đối tượng và đề tài cho bài viết ? 2/ Với đề bài này, em sẽ viết bài văn cho ai, nhằm mục đích gì? 3/ Với đối tượng và mục đích ấy, em dự định sẽ chọn cách viết như thế nào? *** Làm việc nhóm:** 4/ Chia lớp thành 2 đội lớn, mỗi đội gồm 4 nhóm nhỏ 3-4 HS: Thực hiện yêu cầu sau: Đội A. Các nhóm 1,3,5,7: Thực hiện lập dàn ý cho đề bài *Hãy viết một bài văn nghị luận về một bài thơ.* Đội B. Các nhóm 2.4.6.8: Thực hiện lập dàn ý cho đề bài *Hãy viết một bài văn nghị luận về một bức tranh/pho tượng mà bạn yêu thích.* ***B2. Thực hiện nhiệm vụ học tập: Trả lời cá nhân HS tìm câu trả lời cho các câu hỏi 1,2,3 và chia nhóm thực hiện yêu cầu câu 4. ***B3. Báo cáo, thảo luận:*** Cá nhân và nhóm Học sinh trình bày câu trả lời trước lớp. Sả phẩm câu 4 trình bày trên giấy A0 kết hợp thuyết trình, giải đáp thắc mắc của các nhóm khác ***B4. Kết luận, nhận định***: GV nhận xét, đánh giá.	1/ Đối tượng: Người đọc là những người quan tâm đến của bài thơ/ bức tranh/ pho tượng. 2/ Mục đích: Cho người đọc thấy được đặc sắc về nội dung và hình thức của bài thơ/ bức tranh/ pho tượng. 3/ HS nêu quy trình viết cụ thể 4/ Dàn ý **Đề bài *Hãy viết một bài văn nghị luận về một bài thơ.*** * Mở bài: Giới thiệu bài thơ và tác giả, nhận xét khái quát về nội dung và nghệ thuật của bài thơ * Thân bài Lần lượt phân tích đánh giá những nét đặc sắc của bài thơ. - Nội dung: + Đề tài + Chủ đề + Cảm hứng tư tưởng - Hình thức: + Bố cục + Ngôn ngữ + Các biện pháp tu từ được sử dụng và hiệu quả. * Kết bài: Khẳng định lại chủ đề và những nét đặc sắc nghệ thuật của bài thơ; tác động của bài thơ đối với bản thân hoặc cảm nghĩ về tác phẩm. **Đề bài *Hãy viết một bài văn nghị luận về một bức tranh/pho tượng mà bạn yêu thích.*** * Mở bài: Giới thiệu bức tranh/pho tượng mà bạn yêu thích và tác giả, nhận xét khái quát về nội dung và nghệ thuật của một bức tranh/pho tượng mà bạn yêu thích. * Thân bài Lần lượt phân tích đánh giá những nét đặc sắc của một bức tranh/pho tượng mà bạn yêu thích. - Nguồn gốc (Thời gian tạo tác và vị trí tồn tại) - Đặc điểm độc đáo về: Hình dạng, kích thước, chất liệu,… - Ý nghĩa/ giá trị của bức tranh/pho tượng * Kết bài: Khẳng định lại những nét đặc sắc nghệ thuật của bức tranh/pho tượng; tác động của bức tranh/pho tượng đối với bản thân hoặc cảm nghĩ về tác phẩm nghệ thuật đó.

1.2. Hoạt động làm mẫu thao tác quy trình viết

a. Mục tiêu: HS biết cách thực hiện những thao tác trong quy trình viết mà bản thân còn chưa rõ.

b. Sản phẩm: Câu hỏi của HS về những thao tác mình chưa biết rõ trong quy trình viết.

c. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	*DỰ KIẾN SẢN PHẨM*
B1. Giao nhiệm vụ học tập*:** GV cho HS xem lại Phiếu học tập về quy trình viết đã thực hiện và yêu cầu cá nhân HS đưa ra những câu hỏi về quy trình viết. Yêu cầu: *HS chọn 1 ý bất kỳ từ dàn ý viết hoàn chỉnh đoạn văn nghị luận* ***B2. Thực hiện nhiệm vụ học tập: Cá nhân HS xem lại Phiếu học tập và ghi ra những câu hỏi. ***B3. Báo cáo, thảo luận:*** Cá nhân HS nêu câu hỏi trước lớp. ***B4. Kết luận, nhận định:*** GV tổng hợp các câu hỏi và giải đáp những câu hỏi có vấn đề, hoặc những câu hỏi mà nhiều HS còn gặp khó khăn, vướng mắc. Ở những thao tác quan trọng, GV có thể làm mẫu quy trình viết để HS hình dung những thao tác một cách trực quan.	*Đoạn nghị luận của HS*

2. Hoạt động viết bài (có thể thực hiện tại nhà)

a. Mục tiêu: Biết viết hòa chỉnh bài văn nghị luận phân tích đánh giá khi đọc một bài thơ.

b. Sản phẩm: Bài viết của học sinh

c. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	*DỰ KIẾN SẢN PHẨM*
B1. Giao nhiệm vụ học tập*:** Trên cơ sở dàn ý đã lập ở trên, GV yêu cầu HS viết hoàn chỉnh bài văn nghị luận theo gợi ý sau: ⚫ Mở bài: Giới thiệu bài thơ và tác giả, nhận xét khái quát về nội dung và nghệ thuật của bài thơ/ bức tranh/pho tượng. ⚫ Thân bài Lần lượt phân tích đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc nghệ thuật của bài thơ/ bức tranh/pho tượng. ⚫ Kết bài: Khẳng định lại chủ đề và những nét đặc sắc nghệ thuật của bài thơ/ bức tranh/pho tượng; tác động của bài thơ/ bức tranh/pho tượng đối với bản thân hoặc cảm nghĩ về tác phẩm. Sau đó, cho HS trao đổi bài viết trong nhóm đôi để HS góp ý cho nhau. ***B2. Thực hiện nhiệm vụ học tập: HS sẽ thực hiện tại nhà ***B3. Báo cáo, thảo luận:*** Bài văn của HS sẽ được đọc trong hoạt động *Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm* được tổ chức trên lớp sau đó. ****B4. Kết luận, nhận định*** – Trước tiên, GV nhận xét về mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của HS trong thời gian viết do GV quy định. – Ở hoạt động này, GV chưa nên đánh giá, nhận xét công khai trước lớp về sản phẩm bài viết của HS. Việc này nên	

được thực hiện sau khi tổ chức cho HS tự đánh giá, đánh giá lẫn nhau và tự chỉnh sửa bài viết của mình.	

3. Hoạt động xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

3.1. Hoạt động xem lại và chỉnh sửa

a. Mục tiêu: Biết cách xem lại và chỉnh sửa bài viết của bản thân và của các bạn khác trong lớp.

b. Sản phẩm: Phần nhận xét, đánh giá bài viết của HS.

c. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	*DỰ KIẾN SẢN PHẨM*
B1. Giao nhiệm vụ học tập*:** GV cho HS hoạt động theo cặp, HS trao đổi bài viết cho nhau để đọc và dựa vào bảng kiểm SGK để đánh giá, nhận xét bài viết của bạn. Sau đó, GV có thể mời một số HS đọc bài viết của mình trên lớp và mời các HS khác nhận xét dựa vào bảng kiểm (Phụ lục) ***B2. Thực hiện nhiệm vụ học tập: HS trao đổi bài viết cho nhau và nhận xét dựa vào bảng kiểm (Phụ lục) ***B3. Báo cáo, thảo luận:*** Một số HS đọc bài viết trước lớp, sau đó các HS khác chia sẻ nhận xét về bài viết của bạn dựa vào bảng kiểm (Phụ lục). ***B4. Kết luận, nhận định:*** GV đánh giá và nhận xét trên hai phương diện: (1) Những ưu điểm cần phát huy và những điểm cần chỉnh sửa trong các bài viết. (2) Cách nhận xét, đánh giá bài viết dựa vào bảng kiểm của HS. HS có nhận ra những ưu điểm, những điểm cần khắc phục trong bài viết của bản thân và của các bạn hay không?	Phần nhận xét, đánh giá bài viết của HS

3.2. Hoạt động rút kinh nghiệm

a. Mục tiêu: Rút ra được kinh nghiệm khi viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ/ bức tranh/pho tượng.

b. Sản phẩm: Những kinh nghiệm rút ra của HS về quy trình viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ/ bức tranh/pho tượng.

c. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	*DỰ KIẾN SẢN PHẨM*
**** Giao nhiệm vụ học tập*:** GV yêu cầu HS ghi lại những kinh nghiệm của bản thân sau khi viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ/ bức tranh/pho tượng **** Thực hiện nhiệm vụ học tập***: cá nhân HS ghi lại những kinh nghiệm của bản thân. **** Báo cáo, thảo luận:*** GV mời 1, 2 HS chia sẻ những kinh nghiệm mà mình rút ra được. **** Kết luận, nhận định***: GV tổng kết, nhận xét, đánh giá, chốt ý.	Những kinh nghiệm rút ra của HS về quy trình viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ/ bức tranh/pho tượng. - Về nội dung đoạn - Về hình thức - Về diễn đạt -….

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG VÀ MỞ RỘNG (Thực hiện tại nhà)

a. Mục tiêu: Biết vận dụng quy trình viết bài văn nghị luận phân tích đánh giá khi đọc một bài thơ/ bức tranh/pho tượng.

b. Sản phẩm: Bài viết đã được công bố của học sinh.

c. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
**** Giao nhiệm vụ học tập*:** Từ bài viết đã được đọc, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm trên lớp, GV cho HS về nhà lựa chọn một trong hai nhiệm vụ: (1) Sửa bài viết cho hoàn chỉnh và công bố. (2) Chọn một đề tài khác để viết bài mới và công bố. **** Thực hiện nhiệm vụ học tập***: HS về nhà thực hiện chỉnh sửa bài viết hoặc viết bài mới sau đó công bố bài viết. HS có thể công bố bài viết trên blog cá nhân, trên trang web của lớp, trên bảng thông tin trong lớp học… **** Báo cáo, thảo luận***: HS giới thiệu bài viết đã được chỉnh sửa, công bố đến GV và các bạn khác trong lớp. **** Kết luận, nhận định***: GV và HS lại tiếp tục sử dụng bảng kiểm (phụ lục) để xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm đối với bài viết đã được công bố.	Bài viết đã được công bố của học sinh.

PHỤ LỤC

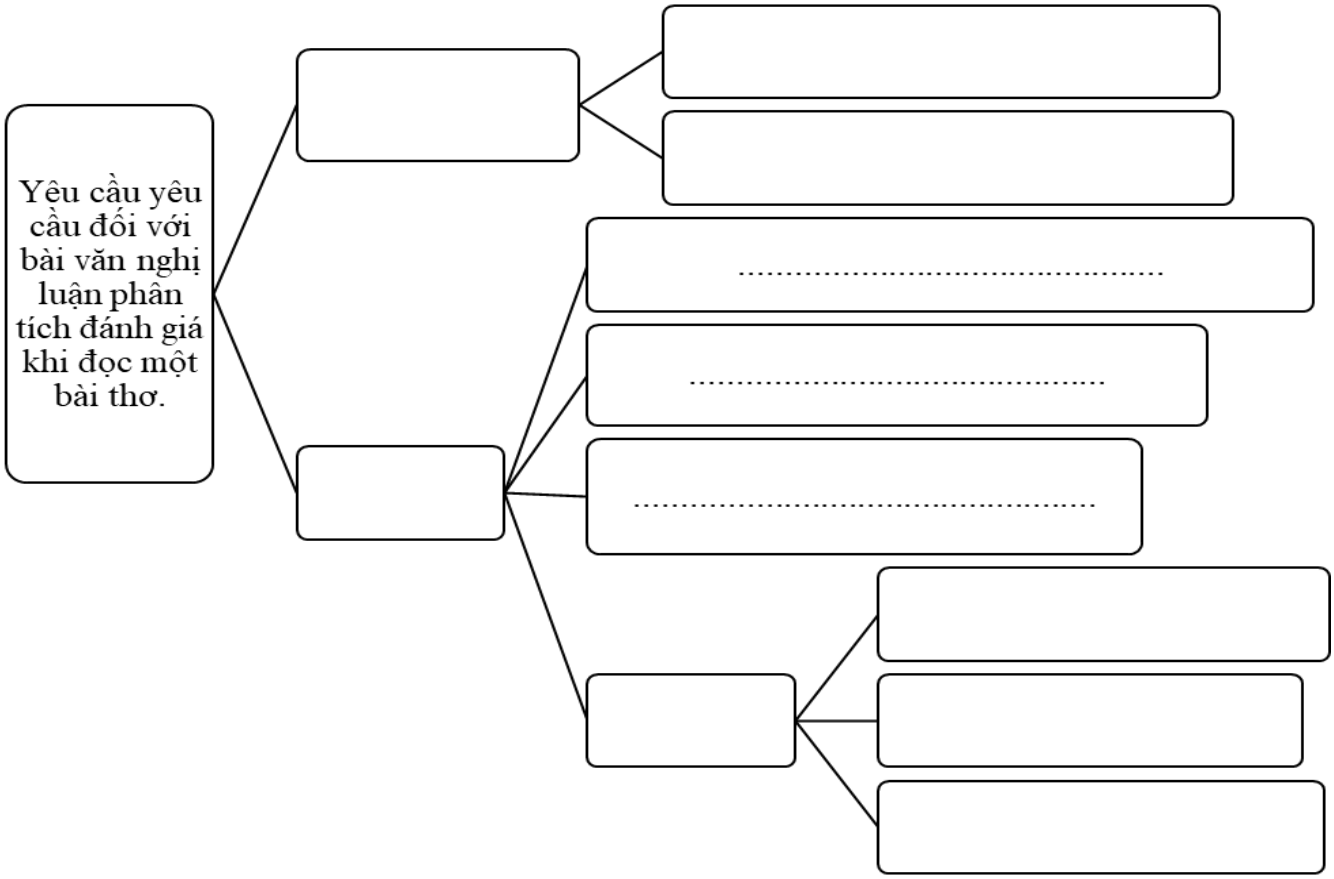
PHIẾU HỌC TẬP 1

Họ tên:…… Lớp:…….. Ngày tháng:……

Nhóm: …… Tên các thành viên:……..

Yêu cầu: HS đọc khung thông tin trong SGK/tr.68 theo cặp, nhận biết thông tin và thực

hiện sơ đồ tóm lược kiến thức.



PHIẾU HỌC TẬP 2

Họ tên:…… Lớp:…….. Ngày tháng:……

Nhóm: …… Tên các thành viên:……..

Yêu cầu HS đọc tri thức về quy trình viết bài văn nghị luận phân tích đánh giá khi đọc tác phẩm thơ/ tác phẩm nghệ thuật (sgk 72, 73,74) theo cặp, nhận biết thông tin điền vào biểu bảng sau (Cột công việc thực hiện):

QUY TRÌNH VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH ĐÁNH GIÁ KHI ĐỌC MỘT TÁC PHẨM THƠ/ TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT		
Quy trình viết	**Thao tác cần thực hiện**	**Công việc thực hiện**
Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết	Xác định mục đích, người đọc	
	Xác định đề tài	
	Thu thập tư liệu	
Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý	Tìm ý	
	Lập dàn ý	
Bước 3: Viết bài	Viết bài văn	
Bước 4: Xem lại và chỉnh	Xem lại và chỉnh sửa	
	Rút kinh nghiệm	

sửa, rút kinh nghiệm		

Phụ lục (bảng kiểm đoạn viết/ bài viết)

Ngày soạn: 04/8/2023

BÀI 8: CÁI TÔI – THẾ GIỚI ĐỘC ĐÁO

PHẦN 4: NÓI VÀ NGHE

Tiết 92: GIỚI THIỆU VỀ MỘT BÀI THƠ HOẶC MỘT BỨC TRANH/ PHO TƯỢNG THEO LỰA CHỌN CÁ NHÂN; NGHE VÀ PHẢN HỒI VỀ BÀI GIỚI THIỆU MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC HOẶC TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT

(01 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về năng lực đặc thù:

- Biết giới thiệu một tác phẩm nghệ thuật theo lựa chọn cá nhân.
- Nắm bắt được nội dung thuyết trình và quan điểm của người nói; nêu được nhận xét, đánh giá về nội dung và cách thức thuyết trình; biết đặt câu hỏi về những điểm cần làm rõ.

2. Về năng lực chung:

- Phát triển năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

3. Về phẩm chất: Có ý thức tự học, trau dồi năng lực thẩm mĩ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

- Máy chiếu hoặc Tivi để trình chiếu powerpoint, bảng…

2. Học liệu

- Sách giáo khoa, sách giáo viên, KHBD, phiếu học tập, bảng kiểm bài nói – nghe của HS…

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng
11			

2. Kiểm tra bài cũ: *(05 phút)*

- GV kiểm tra phần chuẩn bị bài ở nhà của HS.

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học.

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để thực hiện hoạt động khởi động.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV đặt tình huống: Giả sử, em được tham gia một buổi giao lưu Văn học & Nghệ thuật, em nhận nhiệm vụ giới thiệu một bài thơ (bức tranh/pho tượng). Em cần lưu ý những gì khi giới thiệu?	- Khi giới thiệu: + Tác phẩm văn học: cần chú ý đến nội dung, hình thức, chủ đề và thông điệp của tác phẩm.

B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ và thảo luận theo nhóm đôi. **B3. Báo cáo thảo luận:** GV mời một vài HS chia sẻ trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, đánh giá và dẫn vào bài học mới.	+ Tác phẩm hội họa/ điêu khắc: cần chú ý kích thước, tỉ lệ, chất liệu; cách sắp xếp bố cục không gian, sử dụng màu sắc, hình khối nét vẽ;… - Đan xen được những cảm nhận riêng của cá nhân: ý kiến, đánh giá, tình cảm cảm xúc,…

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. **Mục tiêu**: Xác định các bước giới thiệu về nội dung và nghệ thuật của một truyện kể; nắm được các yêu cầu, lưu ý khi nghe.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi của GV liên quan đến các bước giới thiệu về một tác phẩm nghệ thuật.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Các em hãy đọc SGK, suy nghĩ và thực hiện yêu cầu sau: Nêu những yêu cầu bài nói về *"Giới thiệu về một bài thơ hoặc một bức tranh/ pho tượng theo lựa chọn cá nhân", "Nghe và phản hồi về bài giới thiệu một tác phẩm văn học hoặc tác phẩm nghệ thuật"*. **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ câu trả lời. **B3. Báo cáo thảo luận:** GV mời một vài HS chia sẻ trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, đánh giá và dẫn vào bài học mới.	❖ **Những yêu cầu về bài nói** o Nêu được tên tác phẩm văn học/ nghệ thuật, thể loại, tác giả. o Giới thiệu về đặc điểm nội dung và hình thức của tác phẩm. o Giới thiệu về chủ đề, thông điệp của tác phẩm. o Trình bày một số ý kiến nhận xét, đánh giá về tác phẩm; tình cảm, cảm xúc khi đọc/ xem tác phẩm. o Sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ nếu cần thiết. ❖ **Những yêu cầu về nghe** o Nắm bắt và hệ thống lại nội dung của người nói; o Biết đánh giá, nhận xét ưu điểm, hạn chế của người nói. o Trao đổi, góp ý trên tinh thần tôn trọng quan điểm của người nói. o Đưa ra các câu hỏi hợp lý để đào sâu nội dung bài nói.

HOẠT ĐỘNG 3. THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE

a. Mục tiêu: Vận dụng năng lực ngôn ngữ và năng lực cảm thụ thực hành bài Nói và nghe: *Giới thiệu về một bài thơ hoặc bức tranh/ pho tượng*.

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học đã hoàn thành bài nói và nghe theo quy trình, tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau dựa vào bảng kiểm.

c. Sản phẩm: Bài thuyết trình của HS, Phiếu giới thiệu về một tác phẩm văn học/nghệ thuật, Phiếu ghi chép nội dung nghe.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm

B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV lồng ghép tổ chức cả hai nội dung *Giới thiệu về một bài thơ hoặc một bức tranh/ pho tượng theo lựa chọn cá nhân* và *Nghe và phản hồi về bài giới thiệu một tác phẩm văn học hoặc tác phẩm nghệ thuật* vào một bài học bằng cách tổ chức một buổi giới thiệu về một tác phẩm nghệ thuật. - Chia HS làm các nhóm chẵn, lẻ. Nhiệm vụ của nhóm lẻ là đóng vai người giới thiệu một bài thơ hoặc bức tranh/ pho tượng, nhiệm vụ của nhóm chẵn là đóng vai người nghe và phản hồi về bài giới thiệu. - Lưu ý: GV phân chia nhóm và giao nhiệm vụ từ trước. HS có thời gian chuẩn bị bài ở nhà. **B2. Thực hiện nhiệm vụ** - HS đã có sự chuẩn bị bài ở nhà, có powerpoint thuyết trình (gửi trước cho GV để duyệt). - GV cho HS 5 phút trên lớp để bàn bạc, thảo luận chuẩn bị cho buổi Nói – nghe tương tác. + HS nhóm lẻ: Xem lại bài nhóm mình sẽ thuyết trình (power point, phiếu giới thiệu), chuẩn chỉnh lại nội dung, hình thức. + HS nhóm chẵn: Trao đổi về những gì đã tìm hiểu trước về tác phẩm sẽ được giới thiệu. Tổng hợp lại các câu hỏi dự định sẽ hỏi nhóm thuyết trình. **B3. Báo cáo thảo luận** - HS nhóm chẵn trình bày, HS nhóm lẻ lắng nghe, ghi chép. (Theo Bảng ghi chép) **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - HS nhóm lẻ nhận xét, đặt câu hỏi. - GV viên nhận xét, đặt câu hỏi. - HS tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau (dựa trên bảng kiểm).	**Sản phẩm phần nói:** - Power point thuyết trình; - Phiếu giới thiệu về một tác phẩm văn học/nghệ thuật. **Sản phẩm phần nghe:** - Bảng ghi chép nội dung nghe.

HOẠT ĐỘNG 4. CỦNG CỐ, DẶN DÒ

a. Mục tiêu: Hệ thống lại các kiến thức HS cần nắm ở phần nói nghe; dặn dò chuẩn bị bài mới.

b. Nội dung: HS lắng nghe ý kiến đánh giá, nhận xét chung của GV về buổi nói – nghe, lắng nghe dặn dò của GV.

c. Sản phẩm: Câu trả lời và phần chuẩn bị bài của HS cho tiết học sau.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Gv đưa yêu cầu: *- Sau buổi nói – nghe hôm nay, em rút ra những kinh nghiệm gì?* **B2. Thực hiện nhiệm vụ** - HS suy nghĩ, thảo luận theo nhóm đôi. **B3. Báo cáo thảo luận**	**Sản phẩm của HS:** - Câu trả lời của HS; - Phần chuẩn bị bài trên lớp.

- GV gọi một số HS trả lời. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** **-** GV nêu những ưu điểm, hạn chế chung của buổi nói – nghe. Lưu ý HS rút kinh nghiệm cho những lần sau. - Dặn dò học sinh chuẩn bị bài: Ôn tập.	

PHIẾU HỌC TẬP

Phụ lục 1. Phiếu học tập

PHIẾU GIỚI THIỆU VỀ MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC/NGHỆ THUẬT
Tên tác phẩm văn học/nghệ thuật:…… **Thể loại**…… **Tên tác giả:**…….. **1. Giới thiệu về đặc điểm nội dung và hình thức của tác phẩm:** - Đối với bài thơ: *giới thiệu mạch cảm xúc của bài thơ, sự triển khai mạch cảm xúc qua các khổ thơ, đoạn thơ; một số điểm nổi bật về nghệ thuật,…* - Đối với tác phẩm hội họa/ điêu khắc: *giới thiệu về kích thước, tỉ lệ, chất liệu; cách sắp xếp bố cục không gian, sử dụng màu sắc, hình khối nét vẽ;…* **2. Giới thiệu chủ đề, thông điệp của tác phẩm:** …… **3. Trình bày một số ý kiến nhận xét, đánh giá về tác phẩm; tình cảm, cảm xúc khi đọc/xem tác phẩm** ……

Phụ lục 2. Bảng ghi chép nội dung nghe

TÊN BÀI TRÌNH BÀY	
Các thông tin chính	**Nội dung ghi chép**
Ghi chép thông tin chính dưới dạng: - Từ khóa. - Ý chính. - Các câu hỏi quan trọng liên quan đến nội dung trình bày.	Ghi chép, diễn giải, nội dung của thông tin chính theo cách: - Trả lời những câu hỏi như: ... *là gì? ... như thế nào?... là sao?...* - Tóm tắt thông tin được trình bày. - Sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh,…
Câu hỏi: …… …… …… …… ……	

Phụ lục 3. Bảng kiểm đánh giá nghe – nói

Bảng kiểm kĩ năng giới thiệu một tác phẩm văn học/nghệ thuật

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở đầu	Chào hỏi và tự giới thiệu.		
	Giới thiệu tên tác phẩm, thể loại, tên tác giả.		
	Nêu lí do lựa chọn tác một cách thuyết phục, hấp dẫn.		
	Nhận xét khái quát về tác phẩm.		
Nội dung chính	Giới thiệu đặc điểm nội dung và hình thức của tác phẩm.		
	Giới thiệu chủ đề, thông điệp của tác phẩm.		
	Trình bày ý kiến nhận xét, đánh giá về tác phẩm/ điều thích hoặc không thích về tác phẩm/ tình cảm, cảm xúc khi đọc/xem/nghe tác phẩm.		
Kết thúc	Tóm tắt được nội dung trình bày về tác phẩm.		
	Khuyến khích người nghe thưởng thức tác phẩm.		
	Nêu vấn đề trao đổi hoặc mời gọi sự phản hồi từ người nghe.		
	Cảm ơn và chào kết thúc.		
Kĩ năng trình bày và tương tác với người nghe	Sắp xếp các ý hợp lí, logic.		
	Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, dễ hiểu.		
	Sử dụng hiệu quả các phương tiện phi ngôn ngữ để làm rõ nội dung trình bày.		
	Tương tác tích cực với người nghe trong quá trình nói.		
	Phản hồi thỏa đáng những câu hỏi, ý kiến của người nghe.		

Bảng kiểm kĩ năng nghe và trao đổi thuyết trình

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Chuẩn bị nghe	Tìm hiểu thông tin về đề tài thuyết minh		
Trong khi nghe	Quan sát gương mặt, thái độ, cử chỉ, ánh mắt, lắng nghe giọng điệu của người thuyết trình.		
	Ghi chép tóm tắt nội dung thuyết trình bằng các từ khóa, cụm từ, sơ đồ dàn ý.		
	Đánh dấu những thông tin quan trọng.		
	Ghi chú những điểm mới mẻ, thú vị về nội dung và cách thức thuyết minh.		
	Ghi lại những câu hỏi muốn trao đổi, tranh luận.		

Sau khi nghe	Sử dụng kĩ thuật PMI để nhận xét, đánh giá những ưu điểm, hạn chế của bài thuyết trình về nội dung, cách thuyết trình.		
	Có thái độ lịch sự, tích cực khi trao đổi (biết chờ đến lượt mình, xác nhận quan điểm của người nói trước khi trao đổi, tôn trọng quan điểm của người nói).		
	Trình bày rõ ràng, gãy gọn, mạch lạc vấn đề muốn trao đổi.		

BÀI 8: CÁI TÔI - THẾ GIỚI ĐỘC ĐÁO(THƠ)

ÔN TẬP

(Thực hiện: 0,5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Phân tích và so sánh được một số nét đặc sắc của tác phẩm thơ.
- Nhận biết và phân tích đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ lặp cấu trúc.
- Biết giới thiệu tác phẩm nghệ thuật.

2. Về năng lực:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, làm việc nhóm.
- Năng lực nói và nghe.

3. Về phẩm chất:

- Ý thức tự giác, chủ động trong học tập.
- Có trách nhiệm với bản thân, với tập thể, đóng góp công sức của bản thân để hoàn thành mục tiêu học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Máy chiếu, máy tính
- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung Bài 8. Cái tôi - Thế giới độc đáo(Thơ).

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để thực hiện hoạt động khởi động.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về các văn bản đã học ở Bài 8. Cái tôi - Thế giới độc đáo(Thơ).

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS nêu tên các văn bản thơ đã học ở Bài 8. Cái tôi - Thế giới độc đáo.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS lắng ghe, suy nghĩ để trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo kết quả thảo luận và hoạt động

- GV mời 1 - 2 HS trả lời trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận nhận xét, đánh giá, chốt: Những văn bản đã học ở *Bài 8. Cái tôi - Thế giới độc đáo* là: Nguyệt cầm (Xuân Diệu), Thời gian (Văn Cao), Gai (Mai Văn Phấn).

2. HOẠT ĐỘNG ÔN TẬP

a. Mục tiêu: Ghi nhớ và vận dụng những kiến thức đã học trong *Bài 8. Cái tôi - Thế giới độc đáo(Thơ).*

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến phần Ôn tập của *Bài 8. Cái tôi - Thế giới độc đáo(Thơ).*

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS về *Bài 8. Cái tôi - Thế giới độc đáo(Thơ).*

d. Tổ thức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM

<u>Nhiệm vụ 1:</u> **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập** - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm: *So sánh một số nét đặc sắc của ba bài thơ đã học.* - GV hướng dẫn HS thực hiện theo các bước: + (1): Đọc lại thơ và tìm ra nét đặc sắc. + (2): Hoàn thành bảng so sách(làm vào vở). **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS lắng nghe yêu cầu và hướng dẫn của GV, sau đó hoàn thành BT theo nhóm. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** - GV mời 3 HS trình bày bài trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án.	**BT 1.** Bảng so sánh một số nét đặc sắc của ba bài thơ đã học(đính kèm ngay dưới hoạt động).
<u>Nhiệm vụ 2:</u> **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập** - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp để hoàn thành BT BT2: *Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ lặp cấu trúc trong đoạn thơ trích "Truyện Kiều"-Nguyễn Du(SGK)* **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS lắng nghe yêu cầu và hướng dẫn của GV, sau đó hoàn thành BT theo cặp. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** - GV mời 2 - 3 HS trình bày bài trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án.	**BT 2.** - Biện pháp lặp cấu trúc "Buồn trông ...." được lặp lại ở các dòng thơ: (1) Buồn trông cửa bể chiều hôm (2) Buồn trông ngọn nước mới sa (3) Buồn trông nội cỏ rầu rầu (4) Buồn trông gió cuốn mặt duềnh - Tác dụng: + Nhằm nhấn mạnh, biểu đạt cảm xúc và ý nghĩa, có khả năng gợi hình tượng nghệ thuật và tạo nhịp điệu cho câu thơ, tác động mạnh mẽ tới cảm xúc người đọc. + Diễn tả nỗi buồn triền miên, không dứt của Thúy Kiều khi xa nhà.
<u>Nhiệm vụ 3:</u> **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập** - GV mời 1 HS đọc yêu cầu của BT 3: *Hãy nêu ít nhất hai bài học kinh nghiệm*	**BT 3.** HS trả lời theo trải nghiệm cá nhân.

về cách viết văn bản nghị luận về một bài thơ hoặc bức tranh/pho tượng. - GV yêu cầu HS xem lại bài Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học hoặc tác phẩm nghệ thuật để làm được BT 3. **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS lắng nghe yêu cầu và hướng dẫn của GV để hoàn thành BT. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** - GV mời 1 - 2 HS phát biểu trước lớp. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV nhận xét, đánh giá, chốt lại tri thức về kiểu bài. **<u>Nhiệm vụ 4:</u>** **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập** - GV nêu yêu cầu của BT 4: *Làm thế nào để bài giới thiệu về một bài thơ hoặc một bức tranh/pho tượng hấp dẫn người nghe.* **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS nghe GV đọc câu hỏi, suy nghĩ để trả lời. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** - GV mời 1 - 2 HS phát biểu trước lớp. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV nhận xét, đánh giá, chốt một số đáp án. **<u>Nhiệm vụ 5:</u>** **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập** - GV mời 1 HS đọc yêu cầu của BT 5: *Giải thích thế nào là kĩ thuật PMI khi tương tác với người thuyết trình và tác dụng của nó.* - GV yêu cầu HS tham khảo trên Internet. **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**	**BT 4.** Để giới thiệu tác phẩm văn học hoặc nghệ thuật một cách ấn tượng, cần: - Truyền tải tinh thần của tác phẩm đến người nghe. - Đề cập đến chi tiết về tác giả để người nghe hiểu rõ hơn về nguồn gốc tác phẩm. - Cho thấy điểm nghệ thuật đặc trưng - Kết thúc bằng cảm nghĩ **BT 5.** - Mấu chốt của kĩ thuật này là khi góp ý cho người khác, trước tiên, cần nêu những điểm tích cực, tiếp theo là nêu những điểm cần điều chỉnh và kết thúc bằng cách nêu những điều thú vị nhất từ ý kiến/ bài thuyết trình của bạn. - Tác dụng: Tạo nên tâm lí tiếp nhận ý kiến tích cực cho người được góp ý, mối quan hệ tích cực giữa người góp ý và người được góp ý. **BT 6.** HS trả lời theo trải nghiệm cá nhân.

- HS lắng nghe yêu cầu và tìm kiếm trên Internet, sau đó hoàn thành BT. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** - GV mời 1 - 2 HS phát biểu trước lớp. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án. **<u>Nhiệm vụ 6:</u>** **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập** - GV nêu yêu cầu của BT 6: *Bạn hiểu thế nào về "cái tôi" trong nghệ thuật và trong cuộc sống? "Cái tôi" đó có mối quan hệ như thế nào với "cái ta"?* **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS nghe GV đọc câu hỏi, suy nghĩ để trả lời. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** - GV mời 1 - 2 HS trình bày bài trước lớp. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV nhận xét, đánh giá.	- Mọi người cần có sự cân bằng trong mối quan hệ giữa "cái tôi" - "cái ta", "biết người, biết ta", tôn trọng lẫn nhau.

BT 1. Bảng so sánh một số nét đặc sắc của ba bài thơ đã học:

	Nguyệt cầm	**Thời gian**	**Gai**
Cấu tứ	Sự hòa nhập giữa tiếng đàn hiện tại và những kiếp nghệ sĩ tài hoa bạc mệnh trong quá khứ.	Thời gian và sự bất tử của nghệ thuật và tình yêu.	Hành trình sáng tạo nghệ thuật là hành trình gian khổ để đi tìm cái đẹp.
Yếu tố tượng trưng	- Nương tử trong câu hát/ đã chết đêm rằm theo nước xanh: Tượng trưng những người nghệ sĩ tài hoa bạc mệnh, sự lẻ loi, cô đơn, bị xã hội lãng quên. - Sao Khuê: Biểu tượng của văn chương, nghệ thuật - Sự tương giao giữa các giác quan: Mỗi giọt rơi tàn như lệ ngân; Long lanh tiếng sỏi;	Những câu thơ còn xanh/những bài hát còn xanh: Tượng trưng cho sự vĩnh cửu, trường tồn của nghệ thuật và tình yêu.	- Hoa hồng: Tượng trưng cho cái đẹp. - Gai: Tượng trưng cho nỗi đau, sự gian khổ của quá trình sáng tạo nghệ thuật.

	Bóng sáng bỗng rung mình; Ánh nhạc; biển pha lê.		

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP - VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức về *Bài 8. Cái tôi - Thế giới độc đáo(Thơ)* đã học.

b. Nội dung: GV cho HS tự nhắc lại về những kiến thức đã học được.

c. Sản phẩm học tập: Những kiến thức HS đã học được trong *Bài 8. Cái tôi - Thế giới độc đáo(Thơ)* và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp, nhắc lại những kiến thức đã học được ở *Bài 8. Cái tôi - Thế giới độc đáo(Thơ).*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận theo cặp, nhắc lại những kiến thức đã học được ở Bài 8.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 2 - 3 HS trình bày trước lớp.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, chốt: *Trong Bài 8. Cái tôi - Thế giới độc đáo(Thơ), chúng ta đã học, đọc về các văn bản thơ có cùng chủ đề; học về biện pháp tu từ lặp cấu trúc; Viết văn bản nghị luận tác phẩm văn học(bài thơ) hoặc tác phẩm nghệ thuật(bức tranh/pho tượng), Giới thiệu về một bài thơ hoặc một bức tranh/pho tượng.*

Mời bạn xem thêm tài liệu tại: https://giaoan.link
Kênh youtube chia sẻ kiến thức: https://youtube.com/Netmediacctv
THANKS!